

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM

Số 35 Đường Lý Thái Tổ, TP. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

Tel: 0241. 3895 111 Fax: 0241. 3825 496

Website: www.dabaco.com.vn

Email: contact@dabaco.com.vn



MỤC LỤC

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

PHẦN 1 THÔNG TIN CHUNG

Tổng quan về Tập đoàn DABACO
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Quá trình hình thành và phát triển
Định hướng phát triển
Mô hình quản trị và Bộ máy quản lý
Các rủi ro

PHẦN 2 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
Tổ chức và nhân sự
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở

PHẦN 3 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản
Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014

PHẦN 4 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám
Kế hoạch, định hướng của HĐQT

PHẦN 5 QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị
Ban kiểm soát
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của
HĐQT, BGD và BKS

PHẦN 6 BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN 2013

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT



Tầm nhìn

Trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất Thức ăn chăn nuôi, giống gia súc gia cầm và chế biến thực phẩm.

Sứ mệnh

Kiểm soát chuỗi giá trị trong ngành nông nghiệp - thực phẩm, cung cấp cho người tiêu dùng và thị trường những sản phẩm sạch, an toàn.

Ban Lãnh đạo Công ty CP Tập đoàn DABACO Việt Nam luôn chủ động nắm bắt các cơ hội kinh doanh, kiểm soát rủi ro để vượt qua những thách thức, tập trung thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và mục tiêu chiến lược của công ty. Cán bộ nhân viên Công ty đoàn kết, sáng tạo quyết tâm hoàn thành những mục tiêu đề ra.

Kính thưa Quý cổ đông !

Năm 2013, tình hình kinh tế trong nước và thế giới vẫn chưa ổn định, đặc biệt là ngành sản xuất nông nghiệp gặp rất nhiều khó khăn do giá nguyên liệu nhập khẩu bấp bênh, giá thực phẩm xuống thấp dưới giá thành trong thời gian dài, dịch bệnh trên đàn gia súc gia cầm còn diễn biến phức tạp, khiến người chăn nuôi phải thu hẹp sản xuất, số lượng đàn gia súc gia cầm giảm mạnh, người chăn nuôi bị lỗ kéo dài... đã tác động không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trước tình hình đó, HĐQT đã bám sát định hướng của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế của Tập đoàn, diễn biến của thị trường, kịp thời đưa ra các giải pháp hiệu quả, chỉ đạo thực hiện quyết liệt các giải pháp có trọng tâm, trọng điểm, điều hành công ty vượt qua khó khăn, thách thức đạt kết quả cao, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông, các nhà đầu tư và các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, thanh tra, kiểm soát của mình.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể CBCNV công ty với tinh thần dám nghĩ, dám làm, quyết tâm vượt qua những thách thức, nắm bắt cơ hội, hoàn thành xuất sắc kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 và những nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao.

Thay mặt HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể CBCNV Tập đoàn DABACO Việt Nam, tôi xin cảm ơn sự tin nhiệm của Quý cổ đông đã đầu tư vào DABACO.

Xin kính chúc Quý cổ đông nhiều thành công, thịnh vượng.



NGUYỄN NHƯ SƠ

Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc

1. TỔNG QUAN VỀ TẬP ĐOÀN DABACO

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam

Mã số DN: 2300105790 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 23/12/2004, thay đổi lần thứ 14 ngày 20/02/2013.

Vốn điều lệ: 627.419.230.000 đồng

Địa chỉ: Số 35 Đường Lý Thái Tổ, TP. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

Số điện thoại: 0241 3826 077 - 3895111

Số Fax: 0241 3896 000 - 3825496

Website: www.dabaco.com.vn

Email: contact@dabaco.com.vn

Mã cổ phiếu: DBC

Sàn niêm yết: Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)

2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản;
- Sản xuất, lai tạo giống gia súc, gia cầm;
- Chăn nuôi gia công lợn, gà thương phẩm;
- Sản xuất bao bì;
- Giết mổ và chế biến thực phẩm;
- Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng hạ tầng;
- Và các lĩnh vực kinh doanh khác.



Địa bàn kinh doanh: Việt Nam

3. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1996-1997

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam được thành lập ngày 29/3/1996 (tên gọi đầu tiên là Công ty Nông sản Hà Bắc).

Xây dựng Nhà máy chế biến thức ăn gia súc DABACO với công suất 5 tấn/giờ tại xã Võ Cường, Bắc Ninh và Xí nghiệp gà giống công nghiệp Lạc Vệ tại huyện Tiên Du, Bắc Ninh.

1998

Thành lập Chi nhánh công ty tại Hà Nội và Cửa hàng xăng dầu tại xã Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh.

2000

Sáp nhập Xí nghiệp giống gia súc, gia cầm Thuận Thành mở rộng thêm lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh.

2002

Khánh thành Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp TOPFEEDS công suất 30 tấn/giờ. Đầu tư xây dựng mới Xí nghiệp gà giống gốc ông bà siêu trứng tại xã Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh.

2003

Khánh thành Xí nghiệp lợn giống hướng nạc Thuận Thành.

2004

Khánh thành Trụ sở của Công ty tại số 35 đường Lý Thái Tổ, Bắc Ninh. Thành lập Xí nghiệp ngan giống Pháp tại xã Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh.

2005

Khánh thành Nhà kho và Nhà xử lý nguyên liệu tại xã Khắc Niệm, TP. Bắc Ninh.

Kể từ ngày 01/01/2005, Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần theo quyết định số 1316/QĐ/CT ngày 10/08/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh.

2006

Khánh thành Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Kinh Bắc 4 tấn/giờ. Thành lập Công ty TNHH Đầu tư và phát triển chăn nuôi gia công và Xí nghiệp giống lợn Lạc Vệ.

2007

Thành lập Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Bắc Ninh, Công ty TNHH Cảng Dabaco Tân Chi, Công ty TNHH MTV Dabaco Tây Bắc.

2008

Thành lập Công ty TNHH Lợn giống Dabaco, Công ty TNHH Đầu tư phát triển chăn nuôi lợn Dabaco và Công ty TNHH Chế biến thực phẩm Dabaco.

Ngày 18/3/2008, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội.



Ngày 29/4/2008, ĐHCĐ đã thông qua quyết định đổi tên Công ty cổ phần Nông sản Bắc Ninh thành Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam.

2009

Khánh thành Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi Dabaco công suất 25 tấn/giờ tại Khu công nghiệp Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh; Siêu thị Dabaco tại phố Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh.

Phát hành thành công 2 đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ để sáp nhập Công ty cổ phần thương mại Hiệp Quang và phát hành cho cổ đông chiến lược, nâng vốn điều lệ của công ty lên 254.466,6 triệu đồng tương đương 25.446.660 cổ phần.

2010

Đưa vào hoạt động Nhà máy chế biến thịt gà, thành lập Công ty TNHH Bất động sản Dabaco, Công ty TNHH ĐTXD&PT Hạ tầng Dabaco, Trung tâm thương mại Dabaco tại Đường Lý Thái Tổ, TP. Bắc Ninh, Công ty TNHH Lợn giống hạt nhân DABACO.

Để nâng cao sản lượng sản xuất và tiêu thụ thức ăn chăn nuôi, Công ty đã thành lập Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi tại KCN Đại Đồng – Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, và tái cơ cấu lại một số đơn vị thành viên, chuyển một số đơn vị hạch toán phụ thuộc thành Công ty TNHH một thành viên, sáp nhập Xí nghiệp ngan giống Pháp vào Công ty TNHH ĐT&PT chăn nuôi gia công.

2011

Công ty hoàn tất đợt phát hành 18.164.440 cổ phiếu và 2.544.666 trái phiếu chuyển đổi nâng vốn điều lệ của Công ty lên 436.111.000.000 đồng tương đương 43.611.100 cổ phần.

Thành lập Công ty TNHH Nông nghiệp công nghệ cao Dabaco và các doanh nghiệp dự án để thực hiện các dự án theo hình thức BT gồm : Công ty TNHH Xây dựng Hồ Điều Hoà Văn Miếu Bắc Ninh, Công ty TNHH Xây dựng Đường từ Đền Đô đến đường vành đai III và TL 295B Từ Sơn.

Chấm dứt hoạt động Chi nhánh tại Hà Nội.

Tại Đại hội cổ đông thường niên ngày 26/3/2011, Công ty đã đổi tên thành Công ty cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam.

2012

Ngày 14/02/2012, Công ty đã thực hiện chuyển đổi 671.872 trái phiếu thành 4.798.860 cổ phiếu, nâng vốn điều lệ của Công ty lên 484.099.600.000 đồng tương đương 48.409.960 cổ phần.

Thành lập doanh nghiệp dự án Công ty TNHH Xây dựng Đường Kinh Dương Vương 3 và Đường Trường Chinh.

Khánh thành Nhà máy chế biến TACN Dabaco Hoàn Sơn công suất 5 tấn/h chuyên sản xuất thức ăn heo con tại huyện Tiên Du, tỉnh Bắc ninh.

2013

Ngày 14/02/2013, Công ty đã thực hiện chuyển đổi 1.872.794 trái phiếu thành 14.331.963 cổ phiếu, nâng vốn điều lệ của Công ty lên 627.419.230.000 đồng tương đương 62.741.923 cổ phần.

Giải thể Công ty cổ phần thủy sản CSC Dabaco và chuyển toàn bộ số vốn góp sang đầu tư xây dựng Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và phát triển giống gia súc, gia cầm Dabaco.

Đầu tư xây dựng Trung tâm nghiên cứu gà 9 cửa Dabaco; Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và phát triển giống gia cầm Dabaco; Cải tạo, nâng cấp hệ thống nhà gà đẻ trứng của Công ty ĐT&PT chăn nuôi gia công.



Trung tâm nghiên cứu Gà 9 cửa Dabaco



Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và phát triển giống gia cầm Dabaco

CÁC THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU

Thực hiện tốt hệ thống quản lý: ISO 9001, ISO 22000, đồng thời Công ty đã xây dựng được một Phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc gia VILAS 645 với hệ thống trang thiết bị hiện đại, kiểm soát tốt nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra, đảm bảo sản xuất sản phẩm sạch, chất lượng cao cho thị trường.

Với những thành tích cao đạt được trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như những đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước trong những năm qua, Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam đã vinh dự được Đảng, Nhà nước, Chính phủ và các ngành, các cấp trao tặng nhiều danh hiệu, phần thưởng cao quý:

2013	Giải thưởng Asian Feed Miller of the Year 2013
2012	Huân chương lao động hạng Nhất do Chủ tịch nước trao tặng Giải Vàng Chất lượng Việt Nam Top 1000 doanh nghiệp đóng thuế thu nhập nhiều nhất 2012 Top 15 cổ phiếu trên sàn HNX được niêm yết trên Sở GDCK Asean (Asean Star) và Top 30 cổ phiếu có tính thanh khoản cao nhất trên sàn Hà Nội (HNX 30)
Các năm từ 2000 đến 2006, từ năm 2009 đến 2012	Giải thưởng Chất lượng Việt Nam
Các năm 2008,2009,2010, 2011,2012	Chứng nhận 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam
2011	Giải thưởng "Sản phẩm, dịch vụ Việt Nam được tin dùng"
	Top 100 hàng Việt Nam tin dùng
	Chứng nhận sản phẩm thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy cầm đạt danh hiệu "Sản phẩm, dịch vụ Việt Nam được tin dùng"
2010	Giải thưởng "Doanh nghiệp Hội nhập và Phát triển"
	Giải thưởng Doanh nghiệp, doanh nhân tiêu biểu 1.000 năm
	Chứng nhận "Thương hiệu Việt" cho sản phẩm thức ăn hỗn hợp Topfeeds
	Top 500 thương hiệu Việt hàng đầu Việt Nam 2010
2009	Top 50 thương hiệu chứng khoán uy tín trên TTCK Việt Nam
	Giải thưởng "Doanh nghiệp Hội nhập và Phát triển"
	Giải thưởng "Bông lúa vàng Việt Nam - Thương hiệu Vàng chất lượng"

2008	Chứng nhận hàng Nông Lâm Thủy sản Việt Nam chất lượng cao và uy tín thương mại
	Giải thưởng "Bông lúa vàng Việt Nam - Thương hiệu Vàng chất lượng"
	Giải thưởng Thương hiệu Việt Hội nhập WTO
	Cúp vàng cho sản phẩm Thức ăn đặc biệt cho lợn con tập ăn
	Giải thưởng - Cúp Vàng "Thương hiệu chứng khoán uy tín & Công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam"
2007	Huân chương lao động hạng nhì
	Giải thưởng "Bông lúa vàng Việt Nam – Thương hiệu Vàng chất lượng"
	Giải thưởng "Doanh nghiệp hội nhập và phát triển"
	Cúp vàng Chất lượng hội nhập cho sản phẩm thức ăn đậm đặc cho lợn
	Chứng nhận Hàng Việt Nam chất lượng cao cho ngành Thức ăn chăn nuôi
	Cúp Vàng Topten ngành hàng Thương hiệu Việt uy tín – chất lượng cho TĂCN cao cấp Topfeeds
	Giải thưởng "Doanh nhân, doanh nghiệp tiêu biểu Việt Nam Vàng"
2005	Cúp Vàng "Thương hiệu và Nhân hiệu"
	Cúp vàng Sản phẩm Uy tín Chất lượng cho sản phẩm TĂCN Topfeeds, Dabaco
2004	Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Anh hùng thời kỳ đổi mới
	Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt
2000	Huân chương lao động hạng ba



Top 50 Công ty Kinh doanh hiệu quả Nhất Việt Nam năm 2012



Top 500 thương hiệu hàng đầu Việt Nam từ 2008 đến 2012



Giải Vàng chất lượng Quốc gia năm 2012



Top sản phẩm, dịch vụ được tin dùng năm 2011



Cúp vàng chất lượng hội nhập WTO - Top 100 thương hiệu Việt hội nhập WTO



Giải thưởng thương hiệu chứng khoán uy tín năm 2009



Cúp Vàng Nông nghiệp năm 2009



Giải Vàng Nhân hiệu cạnh tranh năm 2008



Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam – Thương hiệu vàng chất lượng

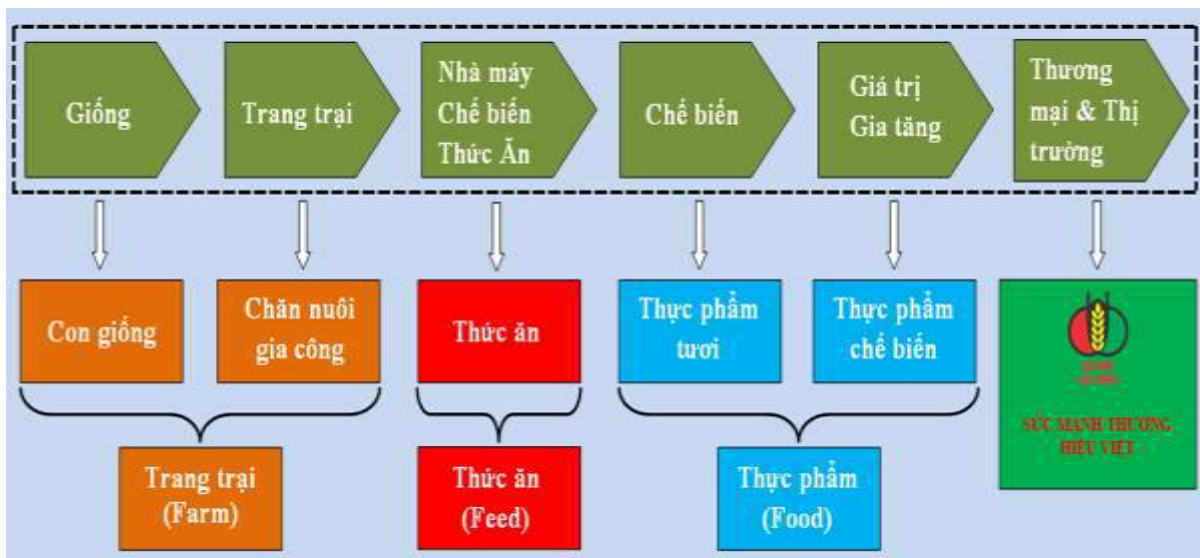
4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Mục tiêu chủ yếu của công ty

Mục tiêu hoạt động của Công ty là không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm tối đa hoá lợi nhuận cho các cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh và bền vững.

Chiến lược phát triển của công ty

Thực hiện thành công mô hình sản xuất tiên tiến, khép kín (**mô hình 3F**) gồm: “**Sản xuất giống gia súc, gia cầm và chăn nuôi gia công (Farm - Trang trại) - Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (Feed - Thức ăn) - Giết mổ và chế biến thực phẩm, sản xuất rau an toàn ứng dụng công nghệ cao (Food - Thực phẩm)**” song song với phát triển hệ thống bán lẻ hiện đại theo mô hình Siêu thị và Cửa hàng thực phẩm sạch DABACO”.



Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

Mục tiêu đối với môi trường

Thực hiện tốt hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001, hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000, đồng thời Công ty đã xây dựng được một Phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc gia VILAS 645 với hệ thống trang thiết bị hiện đại, kiểm soát tốt nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra, đảm bảo sản xuất sản phẩm theo đúng các chỉ tiêu kỹ thuật – chất lượng đã công bố, đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn, vệ sinh thực phẩm.

Công ty đặc biệt quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường, coi đây là nhiệm vụ sống còn của các đơn vị. Tất cả các Nhà máy sản xuất, đơn vị chăn nuôi của công ty đều được đầu tư hệ thống xử lý môi trường hiện đại, tuân thủ đúng các tiêu chuẩn về môi trường theo qui định hiện hành.



Mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng

Bằng chữ tâm lớn trên tinh thần tương thân, tương ái, trong nhiều năm qua, Công ty và CBCNV đã tích cực tham gia các hoạt động xã hội, các hoạt động từ thiện, hỗ trợ quỹ khuyến học và bảo vệ môi trường của địa phương dưới nhiều hình thức tài trợ, quyên góp tiền, viếng thăm, tặng hiện vật.

Luôn đặt chất lượng lên hàng đầu, lấy chất lượng để cam kết với khách hàng, lấy thị trường làm định hướng, DABACO luôn không ngừng cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, được người tiêu dùng tín nhiệm cao, do đó nâng cao sản xuất, góp phần tạo công ăn việc làm cho người dân trong tỉnh và ngoài tỉnh, nâng cao đời sống của cán bộ công nhân viên để xây dựng Công ty phát triển vững mạnh.



Quan hệ đối tác kinh doanh

Công ty CP Tập đoàn DABACO Việt Nam luôn là người bạn tin cậy của các bạn hàng. Quyền lợi của khách hàng là quyền lợi của công ty. Luôn cung cấp cho khách hàng những sản phẩm tốt nhất, cùng chất lượng đạt tiêu chuẩn cao nhất. Công ty luôn duy trì và phát triển mối quan hệ hợp tác tốt đẹp với đối tác làm ăn trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng lợi ích mỗi bên.

Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên phối hợp với các nhà khoa học, các cơ quan quản lý của các tỉnh, thành trong cả nước tổ chức các cuộc hội thảo chuyên giao khoa học kỹ thuật cho hàng chục ngàn lượt bà con nông dân theo mô hình 4 nhà: “**Nhà nước - Nhà khoa học - Nhà sản xuất - Nhà nông**”, giúp bà con làm chuồng trại, phổ biến các kiến thức và tiến bộ khoa học kỹ thuật hiện đại trong chăn nuôi, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị, đưa ngành chăn nuôi trở thành ngành sản xuất hàng hóa.

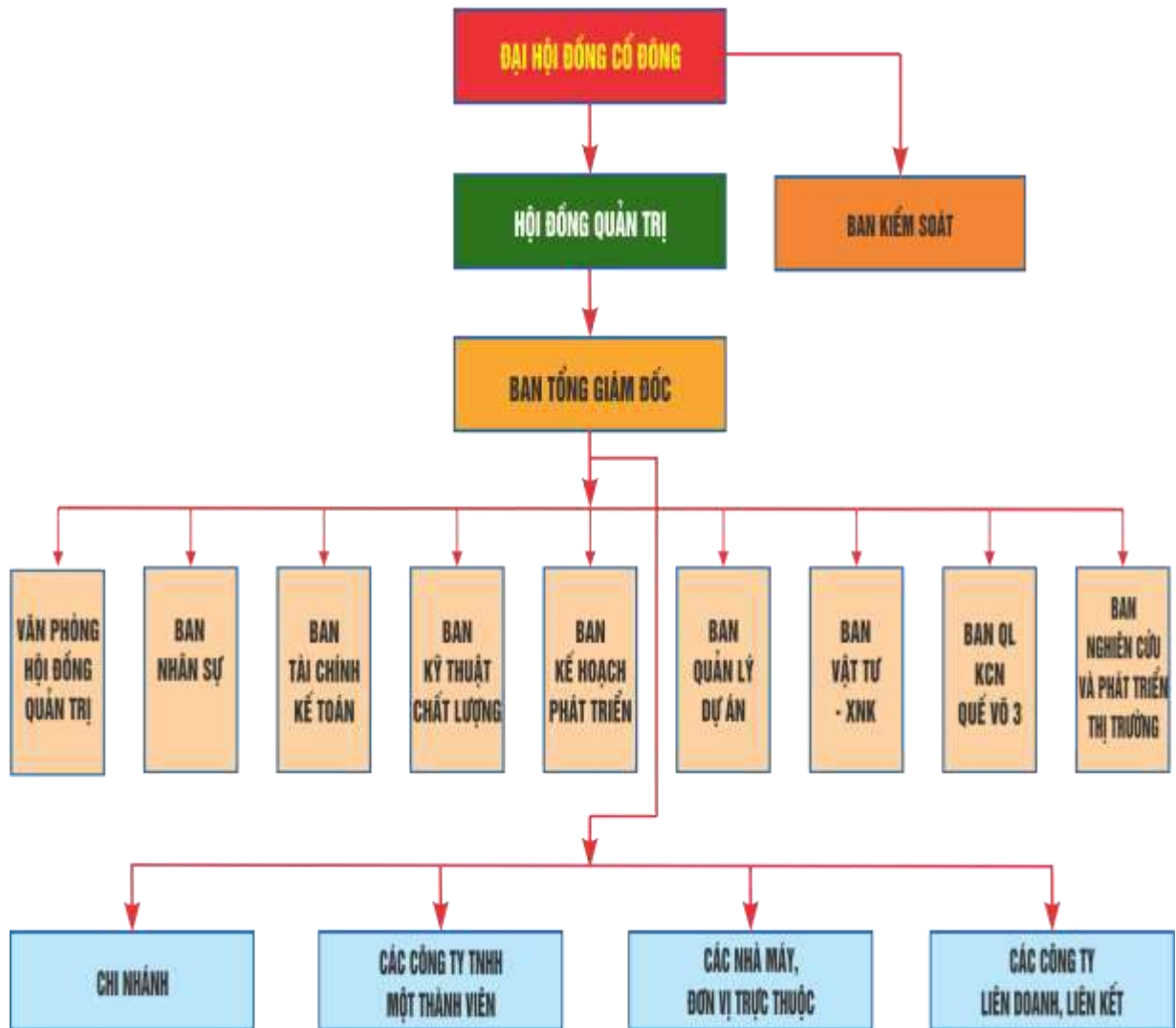


Xây dựng văn hóa doanh nghiệp

Trong quá trình xây dựng và phát triển, văn hóa doanh nghiệp luôn được DABACO chú trọng hoàn thiện để phát huy cao nhất các nguồn lực phục vụ cho sản xuất kinh doanh, từ đó nâng cao hiệu quả kinh doanh, đảm bảo sự phát triển bền vững. Văn hóa doanh nghiệp do DABACO xây dựng dựa trên những giá trị cốt lõi mà bất kỳ nhân viên nào cũng được giáo dục và tuyên truyền. Đặc trưng cơ bản của hệ thống văn hóa doanh nghiệp DABACO, đó là: Khách hàng là trung tâm của mọi công việc, luôn cung cấp cho khách hàng sản phẩm và dịch vụ tốt nhất, khuyến khích sự sáng tạo, thích ứng với những thay đổi nhanh chóng của môi trường kinh doanh, luôn luôn học hỏi, cải tiến, đề cao tính tập thể trong quản lý và ra quyết định, quan hệ giữa các thành viên trong doanh nghiệp bình đẳng, đoàn kết, hợp tác trong công việc, tính kỷ luật cao, tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng, góp phần xây dựng xã hội bền vững.

5. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM



DABACO được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc. Nhờ vào nền tảng kinh nghiệm, cùng với khả năng quản lý, điều hành mang tính đột phá của Ban lãnh đạo doanh nghiệp đã thúc đẩy Công ty ngày càng phát triển mạnh mẽ cả về quy mô và chất lượng. DABACO hiện có gần 30 đơn vị gồm các Nhà máy, Công ty TNHH một thành viên, đơn vị trực thuộc, phát triển trên nhiều lĩnh vực kinh doanh.

ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Nhà máy Chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp DABACO

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Khắc Niệm, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất thức ăn chăn nuôi

Điện thoại: 0241.3821243 Fax: 0241.3737526

Nhà máy Chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp TOPFEEDS

Địa chỉ: Khu công nghiệp Khắc Niệm, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất thức ăn chăn nuôi

Điện thoại: 0241.3829434 Fax: 0241.3829759

Nhà máy Chế biến thức ăn chăn nuôi Kinh Bắc

Địa chỉ: Khu công nghiệp Khắc Niệm, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất thức ăn chăn nuôi

Điện thoại: 0241.3825111 Fax: 0241.3825112

Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi DABACO Hoàn Sơn

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Đại Đồng - Hoàn Sơn, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất thức ăn chăn nuôi

Điện thoại: 0241.3848202 Fax: 0241.3848201

Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 22 ấp 4, Đường số 18, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, TP.HCM

Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh nguyên liệu chế biến sản xuất thức ăn chăn nuôi; Kinh doanh vật tư thiết bị, hóa chất phục vụ sản xuất nông, công nghiệp; ...

Điện thoại: 08 54318385 Fax: 08 54317382

Trung tâm Chẩn đoán thú y DABACO

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Khắc Niệm, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động thú y, chẩn đoán bệnh động vật đưa ra phác đồ điều trị, dịch vụ kiểm tra, khám chữa bệnh động vật, tiêm chủng, dịch vụ thú y lưu động.

Điện thoại: 0241.3717358 Fax: 0241.3717359

Cửa hàng xăng dầu

Địa chỉ: Xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Đại lý và kinh doanh xăng dầu.

Điện thoại: 0241.3723671

CÔNG TY TNHH MTV DO DABACO LÀM CHỦ SỞ HỮU

Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển chăn nuôi gia công

Địa chỉ: Cụm công nghiệp, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi và các hoạt động hỗ trợ chăn nuôi

Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng

Điện thoại: 0241.723523 Fax: 0241.723524

Công ty TNHH Đầu tư phát triển chăn nuôi lợn DABACO

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi và các hoạt động hỗ trợ chăn nuôi. Chăn nuôi lợn, lợn thịt, lợn sữa, lợn giống.

Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng

Điện thoại: 0241.3724320 Fax: 0241.3724321



Công ty TNHH Lợn giống DABACO

Địa chỉ: Xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi lợn và hoạt động hỗ trợ chăn nuôi. Sản xuất và kinh doanh mua bán lợn, lợn giống. Chăn nuôi lợn thịt. Chăn nuôi lợn sữa.

Vốn điều lệ: 40.000.000.000 đồng

Điện thoại: 0241.3721988 Fax: 0241.3721989

**Công ty TNHH MTV Gà giống DABACO**

Địa chỉ: Thôn Hộ vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi và kinh doanh giống gia cầm.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng

Điện thoại: 0241.3723713 Fax: 0241.3723764

**Công ty TNHH MTV Lợn giống Lạc Vệ**

Địa chỉ: Thôn Hộ vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi lợn. Sản xuất kinh doanh lợn giống, lợn thịt, tinh lợn. Hoạt động dịch vụ chăn nuôi.

Vốn điều lệ: 26.000.000.000 đồng

Điện thoại: 0241.3723938 Fax: 0241.3723522

**Công ty TNHH Lợn giống Hạt nhân DABACO**

Địa chỉ: Xã Tân chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động dịch vụ chăn nuôi; Chăn nuôi gia súc, gia cầm. Sản xuất, kinh doanh lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, trâu, bò. Sản xuất, nuôi giữ đàn lợn giống gốc.

Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng

Điện thoại: 0241.3721649 Fax: 0241.3721648

**Công ty TNHH Chế biến thực phẩm DABACO**

Địa chỉ: Xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Giết mổ, chế biến, bảo quản thịt gia súc, gia cầm. Đóng gói và đóng hộp: Thịt hộp, xúc xích, Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn: Sản xuất món ăn sẵn từ thịt gia cầm, thịt đông lạnh hoặc thịt tươi; Sản xuất thịt hầm đóng hộp và thức ăn chuẩn bị sẵn trong các đồ đựng chân không.

Vốn điều lệ: 70.000.000.000 đồng

Điện thoại: 0241.3724343 Fax: 0241.3724296

**Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao DABACO**

Địa chỉ: Thôn Hộ Vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, kinh doanh rau an toàn ứng dụng công nghệ cao.

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng

Điện thoại: 0241.3724138 Fax: 0241.724126

**Công ty TNHH MTV Thương Mại Hiệp Quang**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Khắc Niệm, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bao bì từ nhựa PP, PE, composit; Sản xuất và kinh doanh nguyên liệu, vi lượng, khoáng, chất bổ sung, hóa chất dùng cho sản xuất thức ăn chăn nuôi,....

Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng

Điện thoại: 0241.3717256 Fax: 0241.717269

**Công ty TNHH MTV DABACO Tây Bắc**

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Mông Hóa, xã Mông Hóa, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Chế biến và bảo quản rau quả; Chế biến và bảo quản nông sản thực phẩm; Bán buôn, bán lẻ: Thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng

Điện thoại: 0218 3843943

Fax: 0218 3843943



Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bắc Ninh

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Khắc Niệm, xã Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh
Ngành nghề kinh doanh chính: Mua bán xuất nhập khẩu nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi, kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, siêu thị, trung tâm thương mại,...
Vốn điều lệ: 17.000.000.000 đồng
Điện thoại: 0241.3717388 Fax: 0241.3717377

Siêu thị Dabaco:

Địa chỉ: Phố Lạc Vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
Điện thoại: 0241.3720999 Fax: 0241.3720979

Trung tâm thương mại DABACO

Địa chỉ: Đường Lý Thái Tổ, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Điện thoại: 0241.3737989 Fax: 0241.3737969

Trung tâm thương mại DABACO Nguyễn Cao

Địa chỉ: Đường Nguyễn Cao, P Ninh Xá, TP Bắc Ninh
Điện thoại: 0241.3692666

**Công ty TNHH Bất động sản DABACO**

Địa chỉ: Đường Lý Thái Tổ, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh Bất động sản, kinh doanh dịch vụ tư vấn, mô giới, đấu giá, định giá, quảng cáo, sản giao dịch bất động sản,...
Vốn điều lệ: 70.000.000.000 đồng
Điện thoại: 0241.3875636 Fax: 0241.3875535

**Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng DABACO**

Địa chỉ: Đường Huyền Quang, phường Ninh Xá, TP Bắc Ninh
Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng công trình, nhà các loại, phá dỡ, lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, kinh doanh vật liệu xây dựng, tư vấn và quản lý dự án đầu tư, mua bán và cho thuê xe, máy móc, thiết bị ngành xây dựng,...
Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng
Điện thoại: 0241.3813713 Fax: 0241.3813714

**Công ty TNHH Cảng DABACO Tân Chi**

Địa chỉ: Xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác và kinh doanh đá, cát, sỏi; Mua bán vật liệu xây dựng, vận tải hàng hóa, cho thuê và kinh doanh dịch vụ cầu cảng bến bãi, đầu tư xây dựng hạ tầng.
Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng
Điện thoại: 0241.3724398 Fax: 0241.3724399

**Công ty TNHH Nutreco**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Đại Đồng - Hoàn Sơn, Xã Hoàn Sơn, Huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất thức ăn chăn nuôi
Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng
Điện thoại: 0241.3847997 Fax: 0241.3847994

CÁC DOANH NGHIỆP DỰ ÁN**Công ty TNHH Xây dựng Đường từ Đền Đô đến Đường Vành đai III và TL295B Từ Sơn**

Địa chỉ: Đường Lý Thái Tổ, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng công trình, nhà các loại, phá dỡ, lắp đặt hệ thống điện, kinh doanh bất động sản, tư vấn, mô giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất,...
Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng
Điện thoại: 0241.3737855 – 3895111 Fax: 0241.3825496

Công ty TNHH Xây dựng Hồ Điều Hoà Văn Miếu Bắc Ninh

Địa chỉ: Đường Lý Thái Tổ, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng công trình, nhà các loại, phá dỡ, lắp đặt hệ thống điện, kinh doanh bất động sản, tư vấn, mô giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất,...
Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng
Điện thoại: 0241.3737855 – 3895111 Fax: 0241.3825496

Công ty TNHH Xây dựng Đường Kinh Dương Vương 3 và Đường Trường Chinh

Địa chỉ: Đường Lý Thái Tổ, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng công trình, nhà các loại, phá dỡ, lắp đặt hệ thống điện, kinh doanh bất động sản, tư vấn, mô giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất,...
Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng
Điện thoại: 0241.3895111 Fax: 0241.3825496

6. CÁC RỦI RO

Rủi ro từ nền kinh tế

Năm 2013, tình hình kinh tế trong nước và thế giới vẫn chưa ổn định, nền kinh tế phục hồi chậm, kinh tế vĩ mô có cải thiện nhưng chưa vững chắc, lạm phát còn tiềm ẩn nguy cơ tăng trở lại; tổng cầu và sức mua còn yếu, ngành sản xuất nông nghiệp gặp rất nhiều khó khăn do giá nguyên liệu nhập khẩu bấp bênh, giá thực phẩm xuống thấp trong thời gian dài, dịch bệnh trên đàn gia súc gia cầm còn diễn biến phức tạp, thị trường bất động sản trầm lắng, giao dịch ảm đạm ảnh hưởng lớn đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Rủi ro tỷ giá

Biến động ngoại tệ cũng là một trong rủi ro ảnh hưởng đến Công ty. Khoảng 60% nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi của Công ty được nhập khẩu từ nước ngoài và thanh toán bằng Đô la Mỹ nên sự biến động về tỷ giá ngoại tệ là một vấn đề mà Công ty quan tâm.

Rủi ro tài chính

Do đặc điểm của ngành sản xuất nông sản, Công ty cần phải có chiến lược dự trữ nguyên liệu nhằm chủ động nguồn nguyên liệu phục vụ cho sản xuất cũng như là ổn định giá thành sản phẩm đầu ra, Công ty phải sử dụng các nguồn vay nợ để tài trợ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Vì vậy, lãi suất vay là yếu tố quan trọng mà công ty phải quan tâm.

Rủi ro về cạnh tranh trên thị trường

Ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi có khả năng gia nhập ngành cao, có nhiều đối tượng gia nhập ngành, khiến công ty phải cạnh tranh với nhiều đối thủ mới, đa dạng và phức tạp, đặc biệt là các công ty nước ngoài, các tập đoàn đa quốc gia.

Rủi ro về nhân sự

Trang thiết bị hiện đại đòi hỏi người lao động phải có trình độ cao, đặt ra nhu cầu phải đào tạo liên tục để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ cán bộ tiếp cận tiến bộ khoa học kỹ thuật. Bên cạnh đó phải có cơ chế thu hút và giữ chân người tài, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ kỹ thuật nhằm đáp ứng nhu cầu về nhân sự do mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh của công ty.



II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2013, một số chỉ tiêu chính như doanh thu, lợi nhuận không đạt kế hoạch đề ra, nhưng về cơ bản Tập đoàn vẫn duy trì được sự ổn định và phát triển theo đúng định hướng, một lần nữa khẳng định chiến lược phát triển và phương thức chỉ đạo, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc là hoàn toàn đúng đắn, hiệu quả trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều khó khăn. Mặt khác, kết quả đạt được cũng là sự ghi nhận những nỗ lực, cố gắng của đội ngũ cán bộ lãnh đạo các đơn vị, sự đoàn kết, quyết tâm của đội ngũ CBCNV trong toàn Tập đoàn.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu hợp nhất:

Doanh thu hợp nhất đạt: 4.838.039 triệu đồng (chưa bao gồm doanh thu tiêu thụ nội bộ 2.072.344 triệu đồng), đạt 91,8% kế hoạch.

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt: 240.568 triệu đồng, đạt 90,5% kế hoạch.

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt: 191.149 triệu đồng, đạt 91,6% kế hoạch.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch và so với năm liền kề:

DVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012	% tăng giảm so với năm 2012	% thực hiện so với Kế hoạch 2013
1	Doanh thu thuần	4.704.280	4.774.350	(1,47)	91,8
2	LNTT hợp nhất	240.568	305.619	(21,3)	90,5
3	LNST hợp nhất	191.149	249.738	(23,5)	91,6

Lĩnh vực sản xuất và tiêu thụ thức ăn chăn nuôi

Năm 2013, tình hình thị trường thức ăn chăn nuôi vẫn gặp nhiều khó khăn, do giá thực phẩm thấp kéo dài, dịch bệnh trên đàn gia súc gia cầm diễn biến phức tạp khiến người chăn nuôi thu hẹp sản xuất... làm ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ của công ty. Do vậy, sản lượng tiêu thụ thức ăn chăn nuôi chỉ đạt 88,5% kế hoạch đề ra.



Trung tâm điều khiển



Giám sát dây chuyền sản xuất



Quy trình đóng gói sản phẩm



Xuất hàng bằng hệ thống băng

Lĩnh vực sản xuất và tiêu thụ con giống

Năm 2013, các công ty sản xuất giống gia súc gia cầm có nhiều tiến bộ trong việc cải thiện các chỉ tiêu kỹ thuật của đàn giống như: Tỷ lệ số nai động dục tự nhiên phối là 92,95%, tăng 1,2%, tỉ lệ nai hậu bị động dục tự nhiên đạt 80%, tăng 100% so với năm 2012; Số lợn con sinh ra tăng 47.978 con so với năm 2012, tỷ lệ lợn con sống là 94,2%, tăng 0,63% so với năm 2012; giống gà Ji-Dabaco được phân phối rộng rãi đến nhiều vùng, miền trên cả nước... hầu hết các đơn vị đều đạt hoặc xấp xỉ đạt sản lượng sản xuất và tiêu thụ theo kế hoạch đề ra.

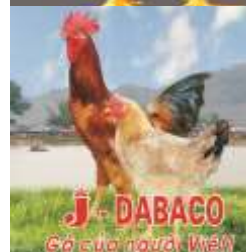
Gà giống: Sản lượng gà giống tiêu thụ là 4.293.299 con, đạt 91,3% kế hoạch và tăng 24% so với năm 2012.

Lợn giống:

+ Sản lượng lợn con cai sữa tiêu thụ: 100.625 con, đạt 105,3% kế hoạch.

+ Sản lượng lợn sau cai sữa (lợn hậu bị) tiêu thụ: 442.502 kg, đạt 89% kế hoạch.

+ Tinh lợn tiêu thụ: 193.518 liều, đạt 78,5% kế hoạch.



Lĩnh vực chăn nuôi gia công

Năm 2013, hoạt động chăn nuôi gia công gặp rất nhiều khó khăn do giá thực phẩm trên thị trường ở mức thấp trong thời gian dài, các đơn vị phải bán dưới giá thành sản xuất. Từ quý 2/2013, giá thịt lợn có tăng nhưng mức tăng không lớn, không bù đắp được phần lỗ 6 tháng đầu năm. Riêng giá gà thịt, đặc biệt là gà trắng thường xuyên ở mức thấp, có thời điểm công ty phải bán dưới giá thành từ 7-8.000 đồng/kg, khiến cho hai công ty chăn nuôi gia công đều bị lỗ, làm ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD chung của Tập đoàn.

Năm 2013, Tập đoàn đã khảo nghiệm thành công chỉ tiêu FCR đối với đàn lợn thịt để áp dụng cho hệ thống chăn nuôi gia công và tiếp tục thực hiện khảo nghiệm đối với đàn gà trắng để tính toán thời gian, trọng lượng nuôi ở thời điểm đạt hiệu quả cao nhất.

Chăn nuôi gia công gà:

+ Sản lượng gà thịt tiêu thụ: 5.296 tấn, đạt 68,5% kế hoạch.

+ Sản lượng trứng tiêu thụ: 32.149.931 quả, đạt 114,3% kế hoạch.

Chăn nuôi gia công lợn: Sản lượng lợn thịt tiêu thụ là 13.170 tấn, đạt 129% kế hoạch.

Lĩnh vực giết mổ và chế biến thực phẩm

Năm 2013, Công ty TNHH chế biến thực phẩm Dabaco đạt một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh như sau:

- Sản lượng thịt gà tiêu thụ: 390.097 kg, đạt 130% kế hoạch

- Sản lượng sản phẩm chế biến tiêu thụ: 617.090 kg, đạt 99,7% kế hoạch

Năm 2013, Công ty Thực phẩm có nhiều cố gắng trong việc mở rộng thị trường, tăng sản lượng tiêu thụ so với năm 2012, các sản phẩm chế biến của công ty như xúc xích, đồ hộp... đã có mặt ở nhiều tỉnh, thành phố trên cả nước. Tuy nhiên, sản phẩm của công ty còn chiếm thị phần nhỏ trên thị trường, hiệu quả SXKD chưa cao.



Lĩnh vực thương mại và dịch vụ

Mảng kinh doanh nguyên liệu do Công ty TNHH Dịch vụ Thương Mại Bắc Ninh và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện. Năm 2013, doanh thu từ kinh doanh nguyên liệu của hai đơn vị này đạt 969.646 triệu đồng bằng 95,7% kế hoạch.

Mảng kinh doanh siêu thị: Năm 2013, tình hình kinh tế còn nhiều khó khăn, sức mua trong dân suy giảm mạnh, do vậy, các siêu thị này hoạt động kinh doanh chưa hiệu quả.



Lĩnh vực sản xuất bao bì

Năm 2013, Công ty TNHH MTV Thương Mại Hiệp Quang đạt sản lượng tiêu thụ là 32.487.066 chiếc bao các loại bằng 72,8% kế hoạch, doanh thu đạt 137.317 triệu đồng bằng 82,9% kế hoạch. Phần lớn lượng bao bì sản xuất ra cung cấp cho các Nhà máy TACN trong Tập đoàn, một phần xuất khẩu và bán ra thị trường nội địa.



2. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Năm 2013, do tình hình kinh tế và thị trường bất động sản còn gặp nhiều khó khăn, các dự án bất động sản hầu như không có giao dịch, do vậy, Công ty tạm dừng đầu tư mới vào các dự án kinh doanh bất động sản và chỉ tiếp tục thực hiện một số dự án dở dang, đồng thời tập trung đầu tư xây dựng, cải tạo các cơ sở sản xuất kinh doanh nhằm phát triển mạnh lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính trong ngành nông nghiệp – thực phẩm, cụ thể:

Trung tâm nghiên cứu gà 9 cửa Dabaco với tổng mức đầu tư 60.514 triệu đồng, được thi công hoàn thiện trong thời gian 06 tháng và bắt đầu đi vào hoạt động kể từ tháng 08/2013.

Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và phát triển giống gia cầm Dabaco với tổng mức đầu tư 113.873 triệu đồng và Trạm ấp trứng với tổng mức đầu tư 70.000 triệu đồng, công suất 28 triệu quả/năm, được đầu tư hệ thống máy móc, thiết bị hiện đại được nhập khẩu từ Mỹ để phục vụ hoạt động ấp trứng cho các đơn vị sản xuất giống gia cầm. Hiện tại, Trung tâm đã hoàn thành xong 3 chuồng nuôi sà và sẽ đưa vào hoạt động từ tháng 4/2014, dự kiến sẽ hoàn thành việc xây dựng và lắp đặt thiết bị của cả dự án vào tháng 6/2014 để đưa vào sử dụng.

Cải tạo, nâng cấp hệ thống nhà gà đẻ trứng của Công ty ĐT & PT CN gia công, với qui mô công suất 450.000 con và trang bị hệ thống xử lý trứng tự động với tổng mức đầu tư 149.466 triệu đồng. Toàn bộ trang thiết bị được nhập khẩu của Big Dutchman (Đức), hiện đại và hoàn toàn tự động từ ăn, uống, làm mát, cào phân, thu trứng... Hiện tại, đã đưa vào hoạt động 6 chuồng gà đẻ trứng và dự kiến hoàn thành toàn bộ công trình trong tháng 6/2014. Năm 2014, sản lượng trứng thương phẩm dự kiến sẽ tăng lên 116 triệu quả, gấp 3,5 lần sản lượng năm 2013.

Dự án Khu công nghiệp Quế Võ 3: Năm 2013, thi công các tuyến đường N2, N5 đường vào KCN Quế Võ 3.

Dự án Công viên Hồ điều hòa Văn Miếu: Đang thi công hạng mục Đào đắp, kè hồ số 1 và Đường gom, mương thoát nước, cống thủy lợi 1,2,3,4.



Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng thăm quan Công ty gà đẻ trứng hiện đại của Tập đoàn tháng 8/2013



Phối cảnh KCN Quế Võ III

3. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Số cổ phần sở hữu (tính đến 10/02/2014)	%/Vốn điều lệ
1	Ông Nguyễn Như So	1957	Tổng Giám đốc	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	9.412.057	15%
2	Ông Nguyễn Văn Quân	1957	Phó Tổng Giám đốc	Kỹ sư cơ khí, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	259.100	0,41%
3	Ông Nguyễn Văn Tuấn	1958	Phó Tổng Giám đốc	Kỹ sư chăn nuôi thú y, thạc sỹ quản trị kinh doanh	63.000	0,1%
4	Ông Nguyễn Khắc Thảo	1957	Phó Tổng Giám đốc	Cử nhân kinh tế	102.900	0,16%
5	Ông Nguyễn Văn Mạnh	1954	Phó Tổng Giám đốc	Kỹ sư xây dựng	27.598	0,04%
6	Ông Nguyễn Trọng Kích	1954	Phó Tổng Giám đốc	Kỹ sư chăn nuôi	0	0%
7	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	1964	Kế toán trưởng	Cử nhân kinh tế, Thạc sỹ quản trị kinh doanh	66.000	0,11%

- Năm 2013, công ty không có sự thay đổi trong Ban điều hành.

Chính sách đối với người lao động

Năm 2013, tổng số lao động của Tập đoàn DABACO là 2.600 người, thu nhập bình quân là 5,7 triệu đồng/người/tháng. Trong năm 2013, Công ty tiếp tục rà soát, sắp xếp lại lao động, huấn luyện, đào tạo, nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ công nhân viên, đề cao đạo đức nghề nghiệp, chăm lo tốt đời sống cán bộ công nhân viên để phát triển nguồn nhân lực đủ tầm, đủ sức, phát huy tính đoàn kết xây dựng Tập đoàn DABACO vững mạnh bền vững.

○ Về môi trường làm việc và đãi ngộ với người lao động

Tạo điều kiện thuận lợi về vật chất và tinh thần cho người lao động, khuyến khích người lao động phát huy năng lực, tính sáng tạo, xây dựng mối quan hệ gắn bó, tinh thần đồng đội, đoàn kết trong công ty.

Việc thực hiện chế độ tiền lương, nâng lương, nâng bậc, bảo hiểm xã hội và giải quyết các chính sách cho người lao động luôn được đảm bảo kịp thời, đúng quy định.

Công ty quan tâm đến thân nhân của người lao động trong các dịp lễ tết, hiếu, hỉ, thăm

hỏi cha mẹ, vợ chồng người lao động đau ốm, thương con người lao động học tập giỏi,....

○ Chính sách đào tạo và tuyển dụng nhân sự

Tạo điều kiện cho người lao động học tập nâng cao trình độ, năng lực. Chăm lo, duy trì các lao động kỹ thuật cao thông qua việc đánh giá đúng năng lực của người lao động, từ đó có kế hoạch đào tạo và đào tạo lại nhằm phát huy năng lực của người lao động.

Công ty xây dựng chiến lược thu hút, đào tạo và phát triển người tài, không ngừng cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Theo Báo cáo tài chính hợp nhất)

Tình hình tài chính

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	3.550.505.115.372	4.013.797.151.063	13
Doanh thu thuần	4.774.350.783.736	4.704.280.036.343	(1,5)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	288.967.916.440	214.673.474.548	(25,7)
Lợi nhuận khác	16.652.068.870	25.894.904.109	55,5
Lợi nhuận trước thuế	305.619.985.310	240.568.378.657	(21,3)
Lợi nhuận sau thuế	249.738.614.847	191.149.664.332	(23,5)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	15%	14%	(6,7)

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,35	1,4
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,56	0,52
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,61	0,57
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,58	1,33
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	5,1	6,0
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,34	1,17
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/DT thuần	%	5,23	4,06
Hệ số lợi nhuận sau thuế/VCSH	%	18,15	11,1
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS	%	7,03	4,76
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/DT thuần	%	6,05	4,56

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a. Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 62.741.923 cổ phần

Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

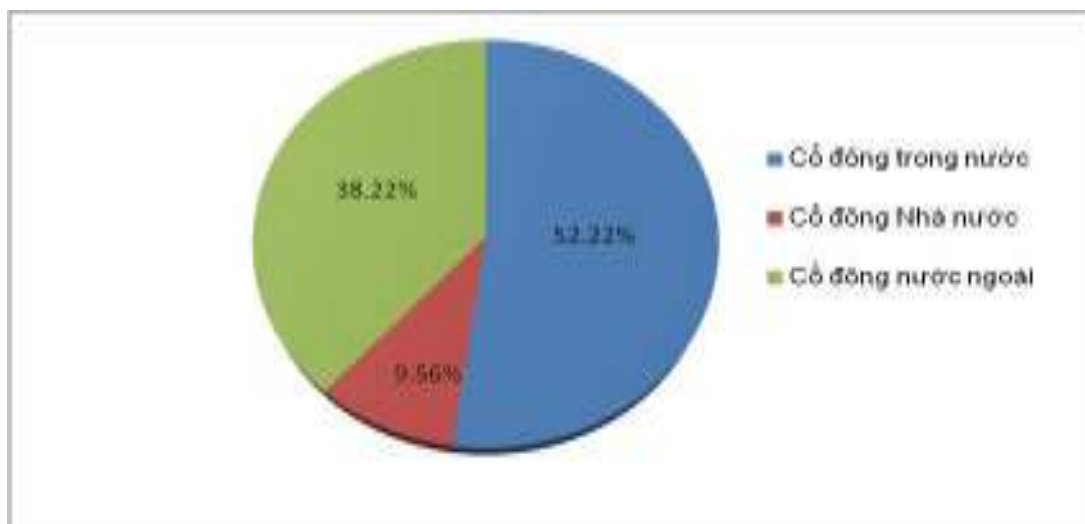
Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng

b. Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 10/02/2014

STT	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	38.758.971	61,78
1	Cổ đông Nhà nước	6.000.000	9,56
2	Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, kế toán trưởng, Ban kiểm soát	10.364.055	16,52
3	Cổ đông là người lao động trong Công ty	4.243.017	6,76
4	Cổ phiếu quỹ	0	0
5	Cổ đông khác	18.151.899	28,93
	Cá nhân	11.512.117	18,35
	Tổ chức	6.639.782	10,58
II	Cổ đông nước ngoài	23.982.952	38,22
	Cá nhân	513.960	0,82
	Tổ chức	23.468.992	37,41
	Tổng Cộng	62.741.923	100

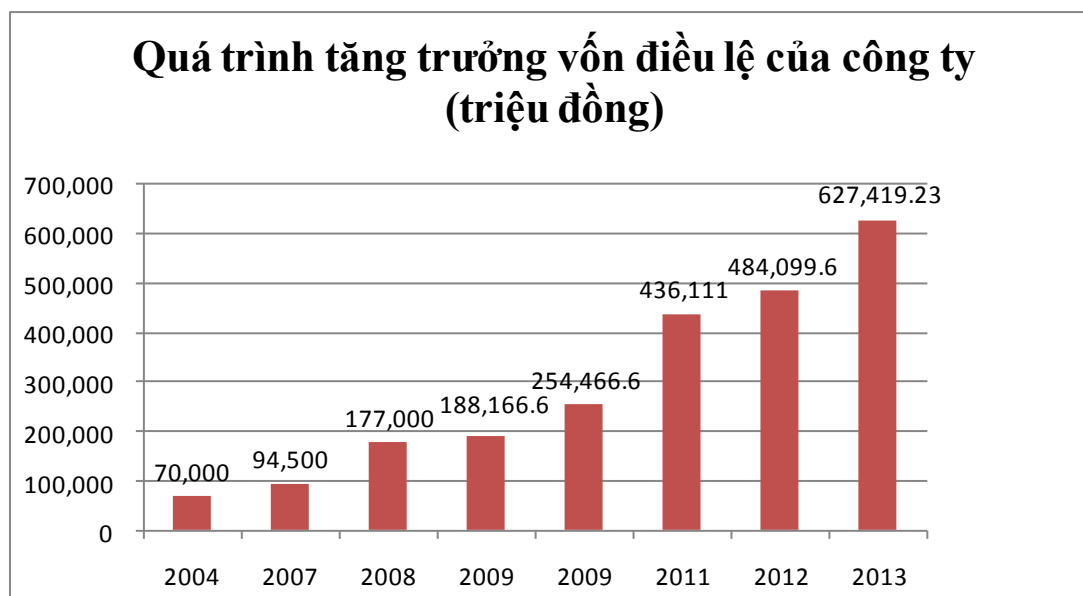


Danh sách cổ đông lớn tại thời điểm chốt danh sách ngày 10/02/2014

TT	Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước - Công ty TNHH	Số 117 Trần Duy Hưng, P.Trung Hoà, Q.Cầu Giấy, Hà Nội	6.000.000	9,56
2	Nguyễn Như So	87 Lê Văn Thịnh, phường Suối Hoa, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	9.412.057	15
3	Red River Holding	9A Tú Xương, P7, Q3, TP.HCM	7.352.036	11,72
4	Fraser Investment Holdings Pte.Ltd	112 Robinson Road, #11-03, Robinson 112, Singapore (068902)	5.470.800	8,72
Tổng cộng			28.234.893	45

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Ngày 14/02/2013, Công ty đã thực hiện chuyển đổi 1.872.794 trái phiếu thành 14.331.963 cổ phiếu (giá chuyển đổi: 13.067 đồng/cổ phiếu), nâng vốn điều lệ của Công ty lên 627.419.230.000 đồng, tương ứng 62.741.923 cổ phần.



d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

III | BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả hoạt động SXKD của công ty năm 2013

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012	% tăng giảm so với năm 2012	% thực hiện so với Kế hoạch 2013
1	Doanh thu thuần	4.704.280	4.774.350	(1,47)	91,8
2	LNTT hợp nhất	240.568	305.619	(21,3)	90,5
3	LNST hợp nhất	191.149	249.738	(23,5)	91,6

Năm 2013, tình hình kinh tế trong nước và thế giới còn nhiều khó khăn, đặc biệt là đối với ngành sản xuất nông nghiệp. Do vậy, mặc dù Ban điều hành đã có nhiều cố gắng, nỗ lực song kết quả hoạt động SXKD năm 2013 của công ty vẫn không đạt kế hoạch đề ra và giảm so với năm 2012 do một số nguyên nhân chính sau:

✓ Giá thực phẩm trên thị trường ở mức thấp kéo dài từ cuối năm 2012 đến hết quý II/2013, thậm chí đến thời điểm này giá gà thịt trên thị trường vẫn thấp dưới giá thành sản xuất, khiến cho công ty và người chăn nuôi bị lỗ kéo dài.

✓ Dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm vẫn luôn đe dọa ngành chăn nuôi trong nước.

✓ Do tình hình chăn nuôi khó khăn khiến quy mô đàn gia súc, gia cầm nuôi trên thực tế bị thu hẹp, khiến sản lượng tiêu thụ TACN giảm so với năm 2012.

✓ Cạnh tranh trong ngành TACN và chăn nuôi gia súc, gia cầm ngày càng khốc liệt do có nhiều đối tượng gia nhập ngành, đặc biệt là các công ty nước ngoài, các tập đoàn đa quốc gia.

✓ Trên thực tế, còn một bộ phận nhỏ cán bộ quản lý, nhân viên còn hạn chế về năng lực, trình độ, ý thức trách nhiệm chưa cao làm ảnh hưởng đến kết quả chung của Tập đoàn.

Những tiến bộ công ty đã đạt được năm 2013:

✓ Chú trọng đầu tư lĩnh vực khoa học công nghệ, ứng dụng hiệu quả các kỹ thuật tiên tiến vào hoạt động sản xuất, chăn nuôi, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất con giống gia súc, gia cầm các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt mức ngang bằng với thế giới.

✓ Thành công trong việc nghiên cứu, chọn tạo ra giống vật nuôi đặc sản có giá trị cao.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Chênh lệch	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ lệ tăng giảm (%)
Tài sản ngắn hạn	3.016.460.606.051	75,2	2.741.605.677.587	77,2	274.854.928.464	10
Tiền và các khoản tương đương tiền	137.189.145.674	3,4	551.972.480.142	15,5	(414.783.334.468)	(75,1)
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	406.222.775.000	10,1	-	0	406.222.775.000	
Các khoản phải thu ngắn hạn	517.159.773.932	12,9	540.213.655.407	15,2	(23.053.881.475)	(4,3)
Hàng tồn kho	1.884.556.518.753	47	1.614.068.815.745	45,5	270.487.703.008	16,8
Tài sản ngắn hạn khác	71.332.392.692	1,8	35.350.726.293	1	35.981.666.399	101,8
Tài sản dài hạn	997.336.545.012	24,8	808.899.437.785	22,8	188.437.107.227	23,3
Tài sản cố định	977.475.046.232	24,4	788.769.563.983	22,2	188.705.482.249	23,9
Các khoản đầu tư TC dài hạn	-	0	2.528.623.617	0,1	(2.528.623.617)	(100)
Tài sản dài hạn khác	12.770.745.133	0,3	9.328.704.263	0,3	3.442.040.870	36,9
Lợi thế thương mại	7.090.753.647	0,2	8.272.545.922	0,2	(1.181.792.275)	(14,3)
Tổng tài sản	4.013.797.151.063	100	3.550.505.115.372	100	463.292.035.691	13

Quy mô tài sản năm 2013 của công ty tăng 463.292 triệu đồng tương ứng mức tăng 13% so với năm 2012. Kết cấu tài sản của Công ty nghiêng về tài sản ngắn hạn, trong khi tài sản dài hạn chỉ chiếm tỷ lệ 24,8% trên tổng tài sản thì tài sản ngắn hạn chiếm tỷ lệ 75,2% trên tổng tài sản năm 2013. Trong đó, tốc độ gia tăng của tài sản dài hạn có phần nhanh hơn tốc độ gia tăng của tài sản ngắn hạn.

Hàng tồn kho chiếm tỷ trọng lớn nhất trong kết cấu tài sản, phù hợp với doanh nghiệp kinh doanh hàng nông sản. Việc mở rộng quy mô dự trữ hàng tồn kho phù hợp với tình hình kinh doanh và kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty.

Chỉ tiêu chiếm tỷ trọng lớn thứ 2 trong tài sản ngắn hạn của công ty là các khoản phải thu ngắn hạn. Trị giá các khoản phải thu ngắn hạn cuối năm là 517.159 triệu đồng, giảm 23.053 triệu đồng so với đầu năm. Các khoản phải thu chiếm tỷ trọng lớn và ngày càng có xu hướng giảm là điều có lợi cho hoạt động của Công ty, nó sẽ làm tăng hiệu quả sử dụng vốn nói chung và tăng hiệu quả sử dụng vốn lưu động nói riêng. Việc theo dõi thu hồi công nợ được tiến hành thường xuyên và chặt chẽ. Công ty không có các khoản phải thu dài hạn. Trong năm qua, công ty không phát sinh nợ xấu, nợ mất khả năng thanh toán.

Tình hình nguồn vốn

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Chênh lệch	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ lệ tăng giảm (%)
Nợ phải trả	2.291.138.632.781	57,1	2.174.183.246.443	61,2	116.955.386.338	5,4
Nợ ngắn hạn	2.160.103.708.517	53,8	2.025.079.752.628	57	135.023.955.889	6,7
Nợ dài hạn	131.034.924.264	3,3	149.103.493.815	4,2	(18.068.569.551)	(12,1)
Vốn Chủ sở hữu	1.722.658.518.282	42,9	1.376.321.868.929	38,8	346.336.649.353	25,2
Vốn Chủ sở hữu	1.722.658.518.282	42,9	1.376.321.868.929	38,8	346.336.649.353	25,2
Tổng nguồn vốn	4.013.797.151.063	100	3.550.505.115.372	100	463.292.035.691	13

Tương ứng với sự gia tăng của tài sản là sự gia tăng của nguồn vốn. Tổng nguồn vốn cuối năm 2013 tăng 463.292 triệu đồng tương ứng mức tăng 13% so với năm 2012. Trong kết cấu nguồn vốn, nợ phải trả chiếm tỷ lệ 57,1% trên tổng nguồn vốn, vốn chủ sở hữu chiếm tỷ lệ 42,9% trên tổng nguồn vốn năm 2013. Trong đó, bộ phận đóng góp nhiều nhất vào sự gia tăng tổng nguồn vốn là tốc độ gia tăng của vốn chủ sở hữu. Vốn chủ sở hữu cuối năm tăng 346.336 triệu đồng, tương ứng tăng 25,2% so với đầu năm, do đầu năm 2013, Công ty thực hiện chuyển đổi 1.872.794 trái phiếu thành 14.331.963 cổ phiếu, nâng vốn điều lệ của của công ty từ 484.099.600.000 đồng lên 627.419.230.000 đồng.

Hệ số nợ năm 2013 giảm hơn so với hệ số nợ năm 2012. Sau đợt tăng vốn đầu năm 2013, tình hình tự tài trợ của công ty đã được cải thiện hơn. Trước sự tăng nhanh của tài sản, ngoài nguồn vốn chủ sở hữu hiện có, công ty sử dụng nhiều nguồn tài trợ khác để tài trợ cho sự tăng lên của tài sản, chủ yếu là nguồn tín dụng thương mại với người bán, vay ngắn hạn và dài hạn. Nguồn tài trợ này làm phát sinh chi phí lãi vay cao, thêm vào đó, do ảnh hưởng tình hình kinh tế khó khăn, doanh thu và lợi nhuận năm 2013 của công ty giảm so với năm 2012. Đây cũng là một trong những yếu tố làm cho tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ của công ty giảm: 11,1% trong năm 2013 và 18,15% trong năm 2012.

3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Ban Tổng giám đốc đã tăng cường tiếp xúc với các nhà cung cấp, nhằm duy trì mối quan hệ tốt đẹp, tin tưởng lẫn nhau, và cùng nhau vượt qua khó khăn.

Ban Tổng giám đốc đã chân thành cởi mở với nhân viên, trung thực nêu ra thực trạng của doanh nghiệp, thực trạng tài chính của Công ty. Kêu gọi sự chia sẻ cùng đồng tâm hiệp lực thực hiện bám sát kế hoạch SXKD trong năm 2013 cố gắng hết mình để đạt mục tiêu doanh thu, lợi nhuận.

Khuyến khích nghiên cứu để tạo ra giá trị mới cho doanh nghiệp và gia tăng giá trị cho đối tác cung cấp và khách hàng, đi sâu tập trung nghiên cứu tìm ra những phân khúc khách hàng mới, thị trường mới, sản phẩm mới.

Tập trung nghiên cứu chính sách động viên cán bộ, nhân viên, nhất là đội ngũ nhân viên thị trường, các đại lý bán hàng nhằm khuyến khích nhân viên tận tụy, trung thành, gắn bó lâu dài với Công ty và gia tăng khả năng thúc đẩy bán hàng cho nhân viên.

4. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014

Năm 2014, nền kinh tế thế giới và trong nước được nhận định là còn gặp nhiều khó khăn. Phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục những tồn tại trong năm 2013, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể CBCNV Tập đoàn quyết tâm phấn đấu thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2014

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014
1	Sản lượng tiêu thụ		
	Thức ăn chăn nuôi	tấn	398.000
	Gà giống	con	7.208.288
	Tinh lợn	liều	208.471
	Lợn cai sữa	con	112.518
	Lợn sau cai sữa	kg	510.595
	Lợn thịt (gia công)	kg	17.575.650
	Gà thịt (gia công)	kg	6.697.600
	Trứng	quả	116.490.240
	Đàn lợn nái cơ bản - Trong đó nuôi tại các trại gia công	con	14.420 8.100
	Thực phẩm chế biến	kg	1.860.000
2	Tổng doanh thu	triệu đồng	8.256.201
3	Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	265.755
4	Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	209.545

Kế hoạch đầu tư năm 2014

Tính toán, nghiên cứu đầu tư xây dựng các dự án phục vụ sản xuất kinh doanh gồm: Trại gà giống Yên Thế, Kho thức ăn chăn nuôi Dabaco (phường Khắc Niệm, TP Bắc Ninh), Nhà máy bột cá tại Cát Bà – Hải phòng.

Thực hiện các dự án dở dang: Công viên Hồ Điều Hòa Văn Miếu (thực hiện theo hình thức BT); Hoàn thiện nốt các tuyến đường N2, N5 đường vào KCN Quê Võ 3 và chỉnh trang một số công việc cần thiết của KCN Quê Võ 3 để xúc tiến đầu tư.

Rà soát các dự án đã được phê duyệt gồm các dự án Khu đô thị, Cụm công nghiệp, dự án BT... với phương châm có hiệu quả thì đầu tư, không có hiệu quả thì tạm dừng hoặc nghiên cứu, lựa chọn đối tác để chuyển nhượng một số dự án.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2014

Đối với lĩnh vực thức ăn chăn nuôi

Về thị trường

Nâng cao năng lực chỉ đạo, cách thức tổ chức thị trường của các Trường vùng; tăng cường đào tạo về kiến thức chuyên môn, kỹ năng tư vấn, bán hàng cho đội ngũ nhân sự thị trường, nhằm nâng cao hiệu quả trong việc khai thác và phát triển thị trường, khách hàng.

Rà soát, đánh giá cụ thể, chính xác tiềm năng của từng vùng, địa bàn; xác định cụ thể, chi tiết các vùng trồng, xây dựng lộ trình mở đại lý đảm bảo về chất lượng và số lượng đại lý.

Phát triển thị trường theo chiều sâu, phân định vùng cho từng đại lý rõ rệt, xây dựng hệ thống đại lý phát triển bền vững.

Về kỹ thuật

Xem chất lượng sản phẩm là yếu tố then chốt; thường xuyên cải tiến, ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo ra bộ sản phẩm có chất lượng tốt, có sức cạnh tranh cao trên thị trường.

Tích cực nghiên cứu cho ra đời những sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Tăng cường đào tạo nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ kỹ thuật theo tiêu chí **mỗi người cán bộ kỹ thuật là một chuyên gia**.

Thường xuyên phối hợp, giao lưu với các công ty sản xuất giống, chăn nuôi gia công và đội ngũ kỹ thuật trong toàn Tập đoàn nhằm trao đổi về kỹ thuật, đánh giá chất lượng thức ăn, con giống

làm cơ sở cải tiến ngày càng tốt hơn và phù hợp hơn với thực tế; mở rộng mối quan hệ với các đối tác trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, dinh dưỡng, thuốc thú y... nhằm tiếp cận nhanh nhất với những tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, tiên tiến trên thế giới.

Về sản xuất

Thực hiện nghiêm ngặt qui trình sản xuất, giám sát chặt chẽ tất cả các công đoạn từ nhập nguyên liệu đầu vào đến sản phẩm đầu ra, tiết kiệm triệt để các chi phí, hạn chế việc dừng máy, chạy không tải, sửa chữa, lãng phí điện năng làm tăng giá thành sản phẩm.

Tăng cường đào tạo kiến thức, kỹ năng cho CBCNV, nâng cao ý thức tự giác tuân thủ qui định, qui trình của từng người, từng vị trí công việc, từng nhóm với tinh thần trách nhiệm cao nhất.

Thực hiện nghiêm chỉnh và hiệu quả các qui trình theo Tiêu chuẩn ISO 9001 và 22.000, triển khai phương pháp quản lý Kaizen - 5S đối với tất cả các Nhà máy.

Về nguyên liệu

Làm tốt công tác thu mua, cung ứng nguyên liệu sản xuất TACN; lựa chọn nhà cung cấp có uy tín, chất lượng tốt; bám sát diễn biến giá cả thị trường, nâng cao năng lực dự báo giá cả nguyên liệu, đảm bảo cung cấp đủ lượng nguyên liệu cho các nhà máy hoạt động ổn định và lượng nguyên liệu dự trữ phù hợp.

Đối với lĩnh vực chăn nuôi gia súc, gia cầm

Thực hiện nghiêm túc quy trình kỹ thuật chăn nuôi, làm tốt công tác chọn giống, chăm sóc, nuôi dưỡng, nâng cao các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật trong các đơn vị chăn nuôi gia súc, gia cầm, đặc biệt là các trại giống ngang bằng với thế giới.

Thực hiện nghiêm ngặt qui trình vệ sinh thú y, vệ sinh phòng dịch, làm tốt công tác quản lý, kỹ thuật để đảm bảo đàn giống gia súc, gia cầm sinh trưởng, phát triển tốt, giảm tối đa tỷ lệ chết, đảm bảo an toàn cho đàn gia súc, gia cầm, tuyệt đối không để xảy ra dịch bệnh.

Chú trọng và tích cực nghiên cứu, áp dụng các biện pháp xử lý môi trường, đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường theo qui định.

Đảm bảo an toàn tuyệt đối về vấn đề cháy nổ, áp dụng các biện pháp sưởi ấm cho vật nuôi an toàn và tiết kiệm.

Tích cực nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, tiên tiến vào hoạt động chăn nuôi của đơn vị, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng con giống.

Tăng cường công tác nghiên cứu, lai tạo giống gia súc, gia cầm, tạo nên thương hiệu giống gia súc, gia cầm của riêng DABACO như giống gà J-Dabaco, Gà 9 Cựa Dabaco.... Làm tốt công tác tuyên truyền, quảng bá để cung ứng con giống gia súc, gia cầm ra thị trường.

Tăng cường công tác chăn nuôi gia công gà, lợn có hiệu quả, thực hiện giao khoán các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật theo kết quả khảo nghiệm của Tập đoàn;

quản lý, giám sát chặt chẽ đầu cân, đầu con, giá bán, đảm bảo minh bạch, trung thực; tiết kiệm triệt để các chi phí nhằm giảm giá thành sản xuất; nâng cao năng lực dự báo giá cả thị trường để tính toán thời gian, số lượng nuôi hợp lý, đáp ứng nhu cầu của nhà máy giết mổ, chế biến thực phẩm của Tập đoàn và cung cấp cho thị trường.

Đối với lĩnh vực chế biến thực phẩm

Chú trọng sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm chế biến đảm bảo an toàn thực phẩm như xúc xích, đồ hộp,...

Đảm bảo chất lượng sản phẩm tốt, ổn định và thường xuyên cải tiến chất lượng ngày càng tốt hơn.

Chú trọng lĩnh vực nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới, thực hiện đa dạng hoá sản phẩm, xây dựng các sản phẩm chiến lược, mũi nhọn có tính đặc trưng, độc đáo riêng của công ty.

Tăng cường công tác thị trường, xây dựng hệ thống phân phối rộng khắp các tỉnh, thành phố, khai thác hiệu quả lợi thế từ chuỗi giá trị của mô hình 3F “**Giống - Thức ăn - Thực phẩm**” của Tập đoàn.

Đối với lĩnh vực bất động sản

Rà soát lại các dự án nhà ở, tăng cường quảng bá, tìm kiếm đối tác để bán, phân đấu năm 2014 sẽ bán hết các dự án bất động sản đã đủ điều kiện.

Tích cực quảng bá, xúc tiến thu hút nhà đầu tư vào KCN Quế Võ 3.

Đối với công tác tổ chức, quản lý

Thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà nước, quy chế, quy định của Công ty, thực hiện cuộc cách mạng triệt để về tiết kiệm, chống lãng phí, tham nhũng... không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Thực hiện chế độ trách nhiệm người đứng đầu ở các đơn vị đảm bảo sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Nếu để thất thoát tài sản, vật tư, tiền vốn hoặc kinh doanh kém hiệu quả thì người đứng đầu đơn vị phải chịu trách nhiệm trước Công ty và pháp luật.

Nâng cao hiệu quả quản lý tài chính, quản lý nhân lực nhằm nâng cao năng lực làm việc của đội ngũ cán bộ, người lao động, đảm bảo duy trì tình hình tài chính lành mạnh và ổn định, tích cực khai thác nguồn vốn với chi phí thấp nhất để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Trung tâm chẩn đoán thú y phải thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc tổ chức chỉ đạo thực hiện các qui trình sản xuất thức ăn chăn nuôi, kỹ thuật chăn nuôi gia súc, gia cầm; vệ sinh phòng dịch, vệ sinh môi trường tại các Nhà máy TACN, các công ty chăn nuôi và chế biến thực phẩm....

Tổ chức tuyển chọn, đào tạo và sử dụng lao động hợp lý nhằm phục vụ cho các nhà máy, Công ty TNHH sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Chú trọng chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là đội ngũ nhân sự quản lý, kỹ thuật; giảm tối đa lực lượng lao động hành chính.

Thực hiện tốt các chính sách đãi ngộ, quan tâm chăm lo đời sống cho người lao động năm sau tốt hơn năm trước, từng bước cải cách chính sách tiền lương, tiền thưởng nhằm thu hút và tạo sự gắn bó của người lao động.

Làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động cán bộ, người lao động tích cực thi đua lao động sản xuất, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ kế hoạch năm 2014. Thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật, đảm bảo công khai, dân chủ, kịp thời và đúng đối tượng.

Tăng cường động viên, giáo dục CBCNV tự giác thực hiện tốt nhiệm vụ của mình; khích lệ lòng say mê, tâm huyết, ham học hỏi của người lao động; tạo sự đoàn kết, thống nhất trong nội bộ từng đơn vị và trong toàn Tập đoàn, tất cả vì mục tiêu chung của công ty.

Thực hiện nếp sống văn minh, lành mạnh; Xây dựng văn hoá doanh nghiệp Dabaco.

Về quản trị Công ty

Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý; tiếp tục cử cán bộ tham gia các khoá đào tạo và hội thảo chuyên đề về quản trị công ty.

Thiết lập và thực hiện tốt mối liên hệ với các cổ đông, đảm bảo công bố thông tin kịp thời, trung thực, đúng quy định.

Thực hiện tốt Quy chế quản trị Công ty.

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Doanh thu hợp nhất đạt: 4.838.039 triệu đồng (chưa bao gồm doanh thu tiêu thụ nội bộ 2.072.344 triệu đồng), đạt 91,8% kế hoạch.

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt: 240.568 triệu đồng, đạt 90,5% kế hoạch.

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt: 191.149 triệu đồng, đạt 91,6% kế hoạch.

Năm 2013, tình hình kinh tế trong nước và thế giới vẫn chưa ổn định, đặc biệt là ngành sản xuất nông nghiệp gặp rất nhiều khó khăn do giá nguyên liệu nhập khẩu bấp bênh, giá thực phẩm xuống thấp dưới giá thành trong thời gian dài, dịch bệnh trên đàn gia súc gia cầm còn diễn biến phức tạp, khiến người chăn nuôi phải thu hẹp sản xuất, số lượng đàn gia súc gia cầm giảm mạnh, công ty và người chăn nuôi bị lỗ kéo dài... đã tác động không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn, các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận không đạt kế hoạch đề ra và giảm so với năm 2012. Tuy nhiên, trong bối cảnh tình hình kinh tế khó khăn, Hội đồng quản trị đánh giá cao kết quả đã đạt được trên các mặt hoạt động của công ty và một lần nữa khẳng định phương hướng hoạt động của công ty đi đúng định hướng và có hiệu quả.

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY**Hoạt động của Ban Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty có 6 thành viên gồm: Tổng Giám đốc và 05 Phó Tổng Giám đốc được phân công phụ trách các lĩnh vực hoạt động của Công ty: Kỹ thuật, Vật tư – XNK, Thị trường, Công nghệ và Dự án.

Trong năm qua, Ban Tổng Giám đốc đã có những chính sách, biện pháp sát với tình hình thực tế, chỉ đạo, điều hành xuyên suốt các phòng ban, các công ty và đơn vị trực thuộc thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra.

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, định kỳ 1 tháng 1 lần trực tiếp chỉ đạo cuộc họp giao ban với Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc các Ban chuyên môn, Giám đốc các Công ty TNHH một thành viên và đơn vị trực thuộc để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh đồng thời có ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp. Sau mỗi cuộc họp, các thông báo kết luận giao ban được gửi trực tiếp đến các phòng ban, các đơn vị trực thuộc để triển khai thực hiện

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

HĐQT đã thực hiện tốt vai trò định hướng, quản lý và giám sát toàn diện các mặt hoạt động SXKD, hoạt động đầu tư của Công ty, đảm bảo thực hiện tốt các kế hoạch, nhiệm vụ theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2013 thông qua, tuân thủ đúng pháp luật, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư cũng như cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, thanh tra, kiểm soát của mình.

Thông báo đầy đủ và kịp thời các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đến các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và chỉ đạo, giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện đúng các nội dung đã được thông qua.

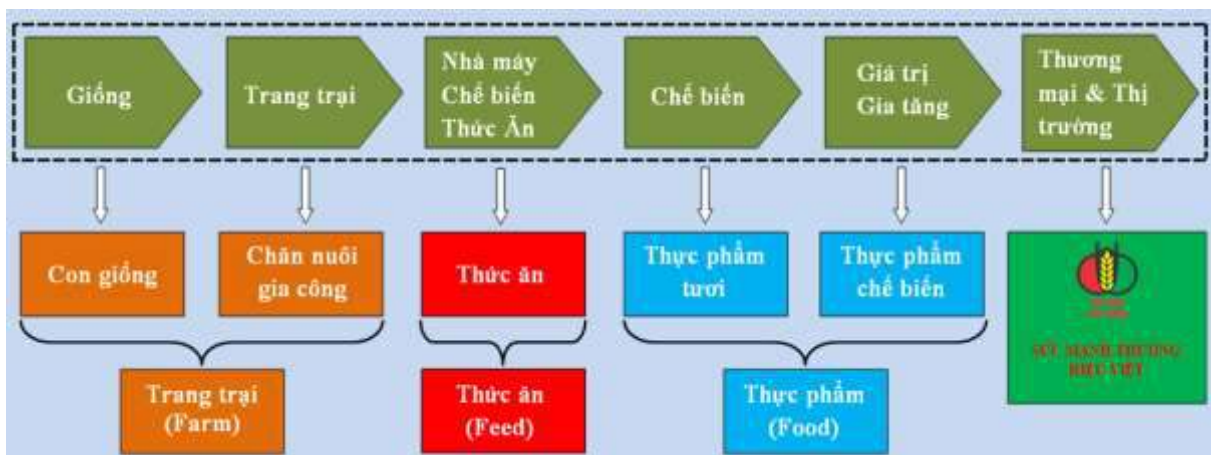
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Ban TGD đã thực thi đúng quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông. Ban Tổng Giám đốc đã bám sát các mục tiêu, định hướng ĐHĐCĐ quyết nghị để triển khai các nhiệm vụ cụ thể. trong việc thực hiện quản lý, điều hành công ty và các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty.

Trong năm qua, Ban TGD đã không ngừng đổi mới công tác quản lý, điều hành hoạt động SXKD của công ty, xây dựng cơ chế chính sách phù hợp với tình hình thực tế của công ty, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, đổi mới cách giao chỉ tiêu kế hoạch gắn liền với giải pháp thực hiện kế hoạch.

3. KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thực hiện thành công mô hình sản xuất theo chuỗi khép kín, mô hình 3F: Farm (Trang trại, giống) - Feed (Thức ăn) - Food (Thực phẩm); ưu tiên đầu tư xây dựng và cải tạo, nâng cấp các cơ sở sản xuất kinh doanh, mở rộng qui mô, nâng cao năng suất, chất lượng, gia tăng giá trị và khả năng cạnh tranh, song song với việc đầu tư kinh doanh các dự án bất động sản, hoạt động thương mại nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cao.



Hướng phát triển theo mô hình khép kín sẽ giúp Dabaco có được sự phát triển bền vững, tận dụng được lợi thế về nguồn nguyên liệu, nhân lực và hạn chế rủi ro về tỷ giá, tạo thành chuỗi giá trị của công ty.

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**Thành viên và cơ cấu HĐQT**

TT	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Ông Nguyễn Như So	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	9.412.057	15%
2	Ông Nguyễn Văn Quân	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm PTGD	259.100	0,41%
3	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm PTGD	63.000	0,1%
4	Ông Nguyễn Khắc Thảo	Ủy viên HĐQT kiêm PTGD	102.900	0,16%
5	Ông Nguyễn Văn Mạnh	Ủy viên HĐQT kiêm PTGD	27.598	0,04%
6	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng	66.000	0,11%
7	Ông Nguyễn Thế Tường	Ủy viên HĐQT, không điều hành	265.600	0,42%
8	Ông Nguyễn Hoàng Nguyên	Ủy viên HĐQT, không điều hành	71.400	0,11%
9	Ông Tạ Hữu Khôi	Ủy viên HĐQT, độc lập không điều hành	62.000	0,1%

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị được phân công phụ trách từng lĩnh vực cụ thể.

Hoạt động của HĐQT:

Các cuộc họp của HĐQT:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Như So	Chủ tịch HĐQT	14	100%	
2	Ông Nguyễn Văn Quân	Phó Chủ tịch HĐQT	14	100%	
3	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT	14	100%	
4	Ông Nguyễn Khắc Thảo	Ủy viên HĐQT	14	100%	
5	Ông Nguyễn Văn Mạnh	Ủy viên HĐQT	14	100%	
6	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên HĐQT	14	100%	
7	Ông Nguyễn Hoàng Nguyên	Ủy viên HĐQT	14	100%	
8	Ông Nguyễn Thế Tường	Ủy viên HĐQT	14	100%	
9	Ông Tạ Hữu Khôi	Ủy viên HĐQT	12	86%	Bận việc gia đình

Năm 2013, các phiên họp của Hội đồng quản trị được duy trì đều đặn và đúng Điều lệ, Quy chế quản trị công ty. HĐQT đã bám sát định hướng của Nghị quyết ĐHĐCĐ và tình hình thực tế của Tập đoàn, diễn biến của thị trường, kịp thời đưa ra các giải pháp hiệu quả, chỉ đạo thực hiện quyết liệt các giải pháp có trọng tâm, trọng điểm, tuân thủ đúng pháp luật, điều hành công ty vượt qua khó khăn, thách thức đạt mức tăng trưởng ổn định. Trong năm, HĐQT đã tổ chức 14 phiên họp tập trung chủ yếu vào các vấn đề: Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ 2013, phê duyệt kế hoạch SXKD, đánh giá kết quả SXKD trong năm của từng đơn vị và toàn Tập đoàn, quyết định hạn mức vay vốn ngân hàng, các khoản đầu tư thuộc thẩm quyền của HĐQT, chi trả cổ tức và các vấn đề quan trọng khác của công ty, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư cũng như cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, thanh tra, kiểm soát của mình.

Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

TT	Họ tên	Chức vụ	Số chứng nhận của chứng chỉ QTCT
1	Ông Nguyễn Như So	Chủ tịch HĐQT	13 QTCT 312/QĐ-TTNC
2	Ông Nguyễn Văn Quân	Phó Chủ tịch HĐQT	44 QTCT 53/QĐ-TTNC
3	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT	18 QTCT 312/QĐ-TTNC
4	Ông Nguyễn Khắc Thảo	Ủy viên HĐQT	14 QTCT 312/QĐ-TTNC
5	Ông Nguyễn Văn Mạnh	Ủy viên HĐQT	36 QTCT 53/QĐ-TTNC
6	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên HĐQT	90 QTCT 67/QĐ-TTNC
7	Ông Nguyễn Hoàng Nguyên	Ủy viên HĐQT	39 QTCT 53/QĐ-TTNC
8	Ông Nguyễn Thế Tường	Ủy viên HĐQT	67 QTCT 53/QĐ-TTNC
9	Ông Tạ Hữu Khôi	Ủy viên HĐQT	29 QTCT 53/QĐ-TTNC

2. BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức danh	Số chứng nhận của chứng chỉ QTCT	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Ông Nguyễn Văn Lĩnh	Trưởng BKS	92 QTCT 67/QĐ-TTNC	26.000	0,04%
2	Ông Ngô Huy Tuệ	TV BKS	96 QTCT 67/QĐ-TTNC	2.100	0,003%
3	Bà Nguyễn Thị Thùy	TV BKS	16 QTCT 312/QĐ-TTNC	6.300	0,01%

Hoạt động của Ban kiểm soát

Cuộc họp của Ban kiểm soát

TT	Ngày họp	Nội dung họp	Tỷ lệ tham dự
1	10/4/2013	<ul style="list-style-type: none">- Thông qua báo cáo đánh giá phân tích BCTC Quý III, IV năm 2012;- Thông qua kết quả SXKD tháng 2/2013;- Thông báo về tình hình hoạt động SXKD và kinh doanh chung của Tập đoàn và công tác chuẩn bị ĐHCĐ thường niên.	100%
2	10/7/2013	<ul style="list-style-type: none">- Thông qua kết luận đánh giá tình hình SXKD 6 tháng và triển khai tháng 7 của Chủ tịch HĐQT;- Thông qua báo cáo đánh giá phân tích BCTC Quý I năm 2013;- Đánh giá rút kinh nghiệm hoạt động kiểm soát 6 tháng đầu năm.	100%
3	10/10/2013	<ul style="list-style-type: none">- Thông qua báo cáo đánh giá phân tích BCTC Quý III năm 2013;- Thông qua kết luận và triển khai kế hoạch tháng 11, tháng 12 năm 2013 của Chủ tịch HĐQT.	100%

Ban kiểm soát duy trì chế độ họp định kỳ theo đúng quy định của pháp luật để các thành viên nắm bắt được chủ trương, chính sách của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc công ty. Đồng thời, thảo luận và đánh giá các vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty, đảm bảo các chính sách, chủ trương được ban hành theo đúng quy định của pháp luật, định hướng do Đại hội đồng cổ đông và bảo vệ lợi ích của cổ đông.

Những chất vấn, yêu cầu của một số cổ đông được giải đáp thấu đáo trong phạm vi quyền hạn và theo đúng quy định của pháp luật.

Hàng quý, khi có Báo cáo tài chính Ban kiểm soát đều có báo cáo đánh giá phân tích độc lập khách quan.

Tuy nhiên, hoạt động của Ban kiểm soát vẫn còn hạn chế như xây dựng quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ cho các thành viên không cụ thể; chưa chủ động trong việc đề xuất kế hoạch kiểm tra.

Sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát với HĐQT và Ban điều hành

Hội đồng quản trị đã cung cấp kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty khi có yêu cầu.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và cán bộ quản lý của công ty đã có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với các đoàn kiểm tra của công ty triển khai công tác kiểm tra, giám sát tại các đơn vị thành viên công ty.

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Tiền lương và thù lao của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát năm 2013 (chưa trừ thuế TNCN và BHXH, YT, TN):

Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Thư ký HĐQT:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương (VNĐ)	Tiền thù lao (VNĐ)
1	Ông Nguyễn Như So	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	814.758.200	244.000.000
2	Ông Nguyễn Văn Quân	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm PTGD	447.362.740	142.000.000
3	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm PTGD	447.362.740	142.000.000
4	Ông Nguyễn Khắc Thảo	Ủy viên HĐQT kiêm PTGD	447.362.740	142.000.000
5	Ông Nguyễn Văn Mạnh	Ủy viên HĐQT kiêm PTGD	447.362.740	142.000.000
6	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng	446.978.920	142.000.000
7	Ông Nguyễn Hoàng Nguyên	Ủy viên HĐQT, không điều hành		142.000.000
8	Ông Nguyễn Thế Tường	Ủy viên HĐQT, không điều hành		142.000.000
9	Ông Tạ Hữu Khôi	Ủy viên HĐQT, độc lập không điều hành		86.000.000
10	Ông Nguyễn Trọng Kích	Phó TGD	447.362.740	
11	Bà Nguyễn Thị Huệ Minh	Thư ký HĐQT		44.000.000

Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương (VNĐ)	Tiền thù lao (VNĐ)
1	Ông Nguyễn Văn Lĩnh	Trưởng BKS	247.635.000	24.000.000
2	Ông Ngô Huy Tuệ	TV BKS	144.738.148	18.000.000
3	Bà Nguyễn Thị Thùy	TV BKS		18.000.000

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)	Ghi chú
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ		
1	Ông Nguyễn Như So	Chủ tịch HĐQT	6.296.800	13,01%	6.513.466	13,45%	Mua 216.666 CP ngày 11/01/2013	(*)
2	Ông Nguyễn Như So	Chủ tịch HĐQT	6.513.466	10,38%	8.312.057	13,25%	Chuyển đổi 235.022 trái phiếu thành 1.798.591 cổ phiếu tại ngày 14/02/2013	(**)
3	Ông Nguyễn Như So	Chủ tịch HĐQT	8.312.057	13,25%	8.962.057	14,28%	Mua 650.000 CP từ ngày 28/02/2013 - 01/03/2013	(**)
4	Ông Nguyễn Như So	Chủ tịch HĐQT	8.962.057	14,28%	9.412.057	15%	Mua 450.000 CP ngày 13/12/2013	(**)
5	Ông Nguyễn Văn Mạnh	Ủy viên HĐQT	25.685	0,041%	27.598	0,044%	Chuyển đổi 250 trái phiếu thành 1.913 cổ phiếu tại ngày 14/02/2013	(**)
6	Bà Nguyễn Thị Tân Hoà	Con gái ông Nguyễn Như So	208.492	0,33%	247.911	0,4%	Chuyển đổi 5.151 trái phiếu thành 39.419 cổ phiếu tại ngày 14/02/2013	(**)
7	Bà Nguyễn Thu Hiền	Con gái ông Nguyễn Như So	222.585	0,35%	264.675	0,42%	Chuyển đổi 5.500 trái phiếu thành 42.090 cổ phiếu tại ngày 14/02/2013	(**)
8	Bà Nguyễn Thu Hiền	Con gái ông Nguyễn Như So	264.675	0,42%	464.675	0,74%	Mua 200.000 CP ngày 06/12/2013	(**)

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)	Ghi chú
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ		
9	Bà Nguyễn Thu Hiền	Con gái ông Nguyễn Như So	464.675	0,74%	664.675	1,06%	Mua 200.000 CP từ ngày 24/02/2014 - 25/02/2014	(**)
10	Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	Cổ đông lớn	0	0%	3.711.640	5,92%	Chuyển đổi 485.000 trái phiếu thành 3.711.640 cổ phiếu tại ngày 14/02/2013	(**)
11	Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	Cổ đông lớn	3.711.640	5,92%	3.123.540	4,98%	Bán 588.100 CP từ ngày 20/02/2013 - 07/05/2013	(**)
12	Vietnam Equity Holding	Cổ đông lớn	2.047.471	3,26%	3.310.193	5,28%	Chuyển đổi 165.000 trái phiếu thành 1.262.722 cổ phiếu tại ngày 14/02/2013	(**)
13	Vietnam Equity Holding	Cổ đông lớn	3.259.893	5,2%	3.033.793	4,84%	Bán 226.100 CP ngày 01/04/2013	(**)
14	Red River Holding	Cổ đông lớn	5.038.499	8,03%	7.352.036	11,72%	Chuyển đổi 302.310 trái phiếu thành 2.313.537 cổ phiếu tại ngày 14/02/2013	(**)
15	Fraser Investment Holdings Pte.Ltd	Cổ đông lớn	4.726.900	7,53%	5.147.200	8,2%	Mua 420.300 CP từ ngày 12/04/2013 – 08/05/2013	(**)
16	Fraser Investment Holdings Pte.Ltd	Cổ đông lớn	5.147.200	8,2%	5.470.800	8,72%	Mua 323.600 CP (số liệu lấy từ danh sách chốt cổ tức ngày 31/12/2013)	(**)

Ghi chú: (*): Tỷ lệ % được tính trên vốn điều lệ 484.099.600.000 đồng.

(**): Tỷ lệ % được tính trên vốn điều lệ 627.419.230.000 đồng.

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty luôn thực hiện nghiêm túc Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ tài chính và các qui định về quản trị công ty theo Điều lệ, Quy chế quản trị công ty đã ban hành.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 51



Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2300105790, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp vào ngày 23 tháng 12 năm 2004 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

<u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số</u>	<u>Ngày cấp</u>
21.03.000084 (thay đổi lần thứ hai)	Ngày 6 tháng 10 năm 2006
21.03.000084 (thay đổi lần thứ ba)	Ngày 10 tháng 12 năm 2007
21.03.000084 (thay đổi lần thứ tư)	Ngày 19 tháng 2 năm 2008
21.03.000084 (thay đổi lần thứ năm và đăng ký lại lần thứ nhất)	Ngày 7 tháng 5 năm 2008
21.03.000084 (thay đổi lần thứ sáu)	Ngày 29 tháng 8 năm 2008
2300105790 (thay đổi lần thứ bảy)	Ngày 6 tháng 2 năm 2009
2300105790 (thay đổi lần thứ tám)	Ngày 14 tháng 7 năm 2009
2300105790 (thay đổi lần thứ chín)	Ngày 26 tháng 11 năm 2008
2300105790 (thay đổi lần thứ mười)	Ngày 6 tháng 5 năm 2010
2300105790 (thay đổi lần thứ mười một)	Ngày 22 tháng 2 năm 2011
2300105790 (thay đổi lần thứ mười hai)	Ngày 28 tháng 3 năm 2011
2300105790 (thay đổi lần thứ mười ba)	Ngày 24 tháng 2 năm 2012
2300105790 (thay đổi lần thứ mười bốn)	Ngày 20 tháng 2 năm 2013

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất thức ăn chăn nuôi; sản xuất và kinh doanh giống gia súc, gia cầm, thủy cầm, giống thủy sản; sản xuất tinh gia súc;
- ▶ Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị máy móc, phương tiện vận tải, hàng tiêu dùng, nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi; đại lý và kinh doanh xăng dầu, cảng bốc xếp và vận tải hàng hóa;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, nhà ở và đầu tư xây dựng hạ tầng khu đô thị mới, khu công nghiệp vừa và nhỏ;
- ▶ Sản xuất, chế biến và kinh doanh thịt gia súc, gia cầm, thủy cầm; sản xuất, chế biến và kinh doanh thức ăn thủy sản; nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi; nuôi giữ, lai tạo đàn giống gốc: gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Kinh doanh hoạt động thương mại bao gồm: khách sạn, nhà hàng, siêu thị, đại lý ô tô, kinh doanh dịch vụ ăn uống, đồ dùng cá nhân và gia đình; khai thác và kinh doanh vật liệu xây dựng; và
- ▶ Các hoạt động khác theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại số 35, đường Lý Thái Tổ, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh và các chi nhánh sau:

<i>Tên chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 22 ấp 4, Đường số 18, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
Cửa hàng xăng dầu	Xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Như So	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Quân	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Khắc Thảo	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Tường	Thành viên
Ông Tạ Hữu Khôi	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Nguyên	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Lĩnh	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Ngô Huy Tuệ	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Như So	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Thảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Kích	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Giám đốc Tài chính

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Như So.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Như So
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2014



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 4 3831 5100
Fax: + 84 4 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 61063700/16417083

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn") được trình bày từ trang 6 đến trang 51 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trọng báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

10/10 0000000000



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên


Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó tại ngày 25 tháng 3 năm 2013.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Trần Phú Sơn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0637-2013-004-1



Lê Đức Trường
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0816-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.016.460.606.051	2.741.605.677.587
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	137.189.145.674	551.972.480.142
111	1. Tiền		121.089.542.182	136.972.480.142
112	2. Các khoản tương đương tiền		16.099.603.492	415.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		406.222.775.000	-
121	1. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	406.222.775.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		517.159.773.932	540.213.655.407
131	1. Phải thu khách hàng	6	424.083.031.901	440.012.898.322
132	2. Trả trước cho người bán		81.794.410.513	110.972.058.993
135	3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	7	11.282.331.518	4.228.698.092
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	-	(15.000.000.000)
140	IV. Hàng tồn kho		1.884.556.518.753	1.614.068.815.745
141	1. Hàng tồn kho	8	1.884.556.518.753	1.614.068.815.745
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		71.332.392.692	35.350.726.293
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		3.357.552.571	1.941.626.815
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		16.523.794.098	4.021.384.270
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	9	51.451.046.023	29.387.715.208
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		997.336.545.012	808.899.437.785
220	I. Tài sản cố định		977.475.046.232	788.769.563.983
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	851.967.553.229	706.183.848.451
222	Nguyên giá		1.248.877.504.990	1.006.588.571.047
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(396.909.951.761)	(300.404.722.596)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	51.720.690.501	-
225	Nguyên giá		53.137.677.346	-
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.416.986.845)	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	-	1.567.261.902
228	Nguyên giá		-	1.732.367.401
229	Giá trị hao mòn lũy kế		-	(165.105.499)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	73.786.802.502	81.018.453.630
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	2.528.623.617
258	1. Đầu tư dài hạn khác		-	2.528.623.617
260	III. Tài sản dài hạn khác		12.770.745.133	9.328.704.263
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	12.770.745.133	9.328.704.263
269	IV. Lợi thế thương mại	16	7.090.753.647	8.272.545.922
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.013.797.151.063	3.550.505.115.372


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2013


Đơn vị tính: VND


Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		2.291.138.632.781	2.174.183.246.443
310	I. Nợ ngắn hạn		2.160.103.708.517	2.025.079.752.628
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	17	1.408.056.154.859	1.439.757.021.829
312	2. Phải trả người bán		471.215.254.884	312.202.136.808
313	3. Người mua trả tiền trước		42.321.561.057	46.240.497.554
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	65.416.143.782	55.062.394.815
315	5. Phải trả người lao động		31.156.827.465	25.108.498.329
316	6. Chi phí phải trả	19	71.936.022.260	96.546.329.738
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	20	33.035.501.227	19.379.561.358
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	36.966.242.983	30.783.312.197
330	II. Nợ dài hạn		131.034.924.264	149.103.493.815
333	1. Phải trả dài hạn khác		5.499.328.000	3.999.987.500
334	2. Vay và nợ dài hạn	22	125.535.596.264	145.103.506.315
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.722.658.518.282	1.376.321.868.929
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	1.722.658.518.282	1.376.321.868.929
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành	23.1	627.419.230.000	484.099.600.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	23.1	418.432.992.221	374.496.861.700
417	3. Quỹ đầu tư phát triển	23.1	413.888.012.383	277.534.138.144
418	4. Quỹ dự phòng tài chính	23.1	72.962.924.280	49.011.331.400
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	23.1	189.955.359.398	191.179.937.685
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.013.797.151.063	3.550.505.115.372

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại - Đô la Mỹ (US\$)	13.513	69.635


Nguyễn Thị Thanh Huyền
Người lập


Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng


Nguyễn Như So
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	4.838.039.797.927	5.538.849.128.867
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	133.759.761.584	764.498.345.131
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	4.704.280.036.343	4.774.350.783.736
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	4.194.663.964.427	4.207.745.752.626
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		509.616.071.916	566.605.031.110
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	30.808.322.702	57.239.886.591
22	7. Chi phí tài chính	26	126.066.660.776	141.679.488.592
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		117.662.773.757	138.290.408.699
24	8. Chi phí bán hàng		92.029.872.259	80.926.115.192
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		107.654.387.035	112.271.397.477
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		214.673.474.548	288.967.916.440
31	11. Thu nhập khác	28	84.614.465.600	44.564.014.733
32	12. Chi phí khác	28	58.719.561.491	27.911.945.863
40	13. Lợi nhuận khác	28	25.894.904.109	16.652.068.870
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		240.568.378.657	305.619.985.310
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	49.418.714.325	55.881.370.463
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		191.149.664.332	249.738.614.847
62	16.1. Lợi nhuận thuộc về các cổ đông của công ty mẹ		191.149.664.332	249.738.614.847
	16.2. Lợi ích của các cổ đông thiểu số		-	-
80	19. Lãi trên mỗi cổ phiếu	31		
	- Lãi cơ bản		3.142	5.221
	- Lãi suy giảm		3.142	4.435

Nguyễn Thị Thanh Huyền

Nguyễn Thị Thanh Huyền
Người lập

Nguyễn Thị Thu Hương

Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng



Nguyễn Như So
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		240.568.378.657	305.619.985.310
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại		105.564.420.597	84.822.145.034
03	Các khoản dự phòng		(15.000.000.000)	15.000.000.000
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	26	323.565	(4.924.028.499)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(29.155.023.142)	(37.019.334.940)
06	Chi phí lãi vay	26	117.662.773.757	138.290.408.699
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		419.640.873.434	501.789.175.604
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		4.326.270.612	(187.391.063.011)
10	Tăng hàng tồn kho		(270.487.703.008)	(42.140.166.056)
11	Tăng các khoản phải trả		134.412.363.004	177.437.990.448
12	Tăng chi phí trả trước		(4.857.966.626)	(83.848.241)
13	Tiền lãi vay đã trả		(148.405.042.933)	(176.854.021.872)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	29.1	(22.462.333.814)	(31.518.761.668)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		13.613.710.212	-
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(22.505.255.737)	(5.993.696.858)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		103.274.915.144	235.245.608.346
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(285.187.773.734)	(163.645.619.452)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		28.607.013.768	313.676.364
23	Tiền chi đầu tư vào khoản tiền gửi có kỳ hạn		(406.222.775.000)	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi		22.827.077.354	39.098.451.490
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(639.976.457.612)	(124.233.491.598)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		3.495.175.613.412	3.375.075.555.729
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(3.342.816.561.543)	(3.278.828.893.701)
35	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(16.376.009.253)	-
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu của công ty mẹ		(14.068.775.500)	(145.768.364.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		121.914.267.116	(49.521.702.472)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	(Giảm)/tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(414.787.275.352)	61.490.414.276
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		551.972.480.142	490.322.035.548
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		3.940.884	160.030.318
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	137.189.145.674	551.972.480.142

Laceps

Nguyễn Thị Thanh Huyền
Người lập

Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Như So
Tổng Giám đốc



Ngày 17 tháng 3 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2300105790, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp vào ngày 23 tháng 12 năm 2004 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

<u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số</u>	<u>Ngày cấp</u>
21.03.000084 (thay đổi lần thứ hai)	Ngày 6 tháng 10 năm 2006
21.03.000084 (thay đổi lần thứ ba)	Ngày 10 tháng 12 năm 2007
21.03.000084 (thay đổi lần thứ tư)	Ngày 19 tháng 2 năm 2008
21.03.000084 (thay đổi lần thứ năm và đăng ký lại lần thứ nhất)	Ngày 7 tháng 5 năm 2008
21.03.000084 (thay đổi lần thứ sáu)	Ngày 29 tháng 8 năm 2008
2300105790 (thay đổi lần thứ bảy)	Ngày 6 tháng 2 năm 2009
2300105790 (thay đổi lần thứ tám)	Ngày 14 tháng 7 năm 2009
2300105790 (thay đổi lần thứ chín)	Ngày 26 tháng 11 năm 2008
2300105790 (thay đổi lần thứ mười)	Ngày 6 tháng 5 năm 2010
2300105790 (thay đổi lần thứ mười một)	Ngày 22 tháng 2 năm 2011
2300105790 (thay đổi lần thứ mười hai)	Ngày 28 tháng 3 năm 2011
2300105790 (thay đổi lần thứ mười ba)	Ngày 24 tháng 2 năm 2012
2300105790 (thay đổi lần thứ mười bốn)	Ngày 20 tháng 2 năm 2013

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất thức ăn chăn nuôi; sản xuất và kinh doanh giống gia súc, gia cầm, thủy cầm, giống thủy sản; sản xuất tinh gia súc;
- ▶ Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị máy móc, phương tiện vận tải, hàng tiêu dùng, nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi; đại lý và kinh doanh xăng dầu, cảng bốc xếp và vận tải hàng hóa;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, nhà ở và đầu tư xây dựng hạ tầng khu đô thị mới, khu công nghiệp vừa và nhỏ;
- ▶ Sản xuất, chế biến và kinh doanh thịt gia súc, gia cầm, thủy cầm; sản xuất, chế biến và kinh doanh thức ăn thủy sản; nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi; nuôi giữ, lai tạo đàn giống gốc: gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Kinh doanh hoạt động thương mại bao gồm: khách sạn, nhà hàng, siêu thị, đại lý ô tô, kinh doanh dịch vụ ăn uống, đồ dùng cá nhân và gia đình; khai thác và kinh doanh vật liệu xây dựng; và
- ▶ Các hoạt động khác theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại số 35, đường Lý Thái Tổ, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh và các chi nhánh sau:

<i>Tên chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 22 ấp 4, Đường số 18, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
Cửa hàng xăng dầu	Xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là: 816 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 812 nhân viên).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có 18 công ty con, bao gồm:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ lợi ích (%)	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong năm
1	Công ty TNHH Lợn giống Hạt nhân Dabaco	100	Xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Chăn nuôi gia súc, gia cầm, sản xuất, kinh doanh lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, trâu, bò
2	Công ty TNHH Lợn giống Dabaco	100	Xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm và một số loại gia súc khác; sản xuất, kinh doanh lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, ba ba và giống thủy sản khác
3	Công ty TNHH MTV Lợn giống Lạc Vệ	100	Thôn Hộ Vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm và một số loại gia súc; sản xuất kinh doanh lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, ba ba và giống thủy sản khác
4	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Chăn nuôi gia công	100	Cụm Công nghiệp xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Chăn nuôi, các hoạt động hỗ trợ chăn nuôi, mua bán và đại lý.
5	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Chăn nuôi Lợn Dabaco	100	Công nghiệp xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Chăn nuôi lợn thịt, chăn nuôi lợn sữa, lợn giống, hoạt động hỗ trợ chăn nuôi; sản xuất và kinh doanh mua bán lợn thịt, lợn giống, lợn thương phẩm
6	Công ty TNHH MTV Gà giống Dabaco	100	Thôn Hộ Vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Chăn nuôi và kinh doanh gà giống
7	Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm Dabaco	100	Quốc lộ 38, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Giết mổ, chế biến thịt gia súc, gia cầm; sản xuất thực phẩm và đồ uống
8	Công ty TNHH MTV Dabaco Tây Bắc	100	Cụm công nghiệp Mông Hóa, xã Mông Hóa, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; chế biến và bảo quản rau quả; chế biến và bảo quản nông sản thực phẩm; bán buôn, bán lẻ: thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ lợi ích (%)</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong năm</i>
9	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Dabaco	100	Thôn Hộ Vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	▶ Sản xuất và kinh doanh rau an toàn ứng dụng công nghệ cao
10	Công ty TNHH MTV Thương mại Hiệp Quang	100	Khu công nghiệp Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	▶ Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bao bì nhựa PP, PE, composit
11	Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bắc Ninh	100	Cụm công nghiệp Khắc Niệm, xã Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	▶ Mua bán, xuất nhập khẩu nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi, kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, siêu thị, trung tâm thương mại
12	Công ty TNHH Bất động sản Dabaco	100	Tầng 3, tòa nhà Techcombank, đường Nguyễn Đăng Đạo, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	▶ Kinh doanh bất động sản; kinh doanh dịch vụ tư vấn, môi giới, đấu giá, định giá, quảng cáo, sàn giao dịch chứng khoán bất động sản
13	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Dabaco	100	Đường Huyền Quang, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	▶ Xây dựng công trình, lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, kinh doanh vật liệu xây dựng, mua bán và cho thuê xe, máy móc và thiết bị
14	Công ty TNHH Nutreco	100	Khu công nghiệp Đại Đồng - Hoàn Sơn, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, và thủy sản; kinh doanh thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản
15	Công ty TNHH MTV Cảng Dabaco Tân Chi	100	Xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	▶ Khai thác và kinh doanh đá, cát, sỏi; mua bán vật liệu xây dựng, vận tải hàng hóa; cho thuê, kinh doanh dịch vụ cầu cảng bến bãi; đầu tư xây dựng hạ tầng khu đô thị mới, khu công nghiệp vừa và nhỏ
16	Công ty TNHH Xây dựng Đường Kính Dương Vương 3 và Đường Trường Chinh	100	Số 35 đường Lý Thái Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh	▶ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, nhà, đường bộ; buôn bán vật liệu xây dựng, kinh doanh bất động sản; dịch vụ vận tải; cho thuê máy móc thiết bị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ lợi ích (%)	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong năm
17	Công ty TNHH Xây Dựng Hồ điều hòa Văn Miếu Bắc Ninh	100	Số 35 đường Lý Thái Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh	► Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, nhà, đường bộ; buôn bán vật liệu xây dựng, kinh doanh bất động sản; dịch vụ vận tải; cho thuê máy móc thiết bị
18	Công ty TNHH Xây dựng Đường từ Đền Đô đến Đường vành đai III và TL295B Từ Sơn	100	Số 35 đường Lý Thái Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh	► Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, nhà, đường bộ; buôn bán vật liệu xây dựng, kinh doanh bất động sản; dịch vụ vận tải; cho thuê máy móc thiết bị

Thanh lý công ty liên kết

Trong năm Công ty đã thanh lý khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy sản CSC Việt Nam, một công ty liên kết, và thu hồi tài sản góp vốn do Công ty này đang trong quá trình giải thể.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là đồng Việt Nam (VNĐ).

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một niên độ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Bất động sản để bán

Bất động sản được xây dựng và phát triển để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Tập đoàn, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng tồn kho theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của các bất động sản để bán bao gồm chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng trả cho nhà thầu, chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết tính giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nguyên vật liệu, thành phẩm thức ăn chăn nuôi và hàng hóa thương mại

Đối với con giống, gia súc và gia cầm chăn nuôi, Tập đoàn áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để ghi nhận hàng tồn kho. Đối với các loại hàng tồn kho khác, Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán các loại hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa	-	Giá gốc được xác định dựa trên phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của thức ăn chăn nuôi	-	Giá gốc bao gồm nguyên vật liệu (được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền), chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ cho các thành phẩm theo tiêu chí hợp lý.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

12/CH C H H NS VI TA K

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5. Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định thuê tài chính và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 28 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 6 năm

3.6. Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không. Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

BỘ CÔNG THƯƠNG
VIỆN QUẢN LÝ VÀ TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và các công ty con.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tập đoàn áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái ("CMKTVN số 10") và Thông tư 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179") liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ như đã áp dụng nhất quán trong năm trước. Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VNĐ/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

▶ **Quỹ dự phòng tài chính**

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Tập đoàn trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

▶ **Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

▶ **Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

3.13. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi bên bán đã chuyển giao phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu được ghi nhận khi bên bán đã chuyển giao cho bên mua phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản, thông thường là trùng với việc chuyển giao bất động sản, và khả năng thu hồi giá chuyển nhượng bất động sản được đảm bảo một cách hợp lý.

Nếu một giao dịch không đáp ứng được điều kiện ghi nhận doanh thu nói trên, các khoản thanh toán theo tiến độ nhận được từ khách hàng được ghi nhận vào khoản mục người mua trả tiền trước trên bảng cân đối kế toán hợp nhất đến khi tất cả các điều kiện nêu trên được đáp ứng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành được xác nhận bởi người mua.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

3.14 Giá vốn bất động sản được chuyển nhượng

Giá vốn bất động sản được chuyển nhượng bao gồm toàn bộ các chi phí phát sinh trực tiếp cho các hoạt động phát triển đất và nhà và các chi phí khác có liên quan được phân bổ trên cơ sở hợp lý cho các hoạt động này bao gồm:

- ▶ Các chi phí về đất và phát triển đất;
- ▶ Các chi phí xây dựng và liên quan đến xây dựng và hoàn thiện bất động sản; và
- ▶ Các chi phí khác có liên quan phát sinh trong quá trình hình thành bất động sản như các chi phí phát sinh từ hoạt động phát triển đất và công trình trên đất hiện tại và trong tương lai của dự án.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Tập đoàn quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Tập đoàn xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, chi phí phải trả, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Thông tư 210 hiện không đưa ra yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Tập đoàn có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	5.559.691.242	3.001.650.598
Tiền gửi ngân hàng	115.529.850.940	124.351.998.544
Tiền đang chuyển	-	9.618.831.000
Các khoản tương đương tiền	16.099.603.492	415.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>137.189.145.674</u>	<u>551.972.480.142</u>

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là khoản tiền gửi trị giá 16.099.603.492 đồng Việt Nam tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Ninh, có kỳ hạn 1 tháng và hưởng lãi suất 6%/năm.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn từ 6 đến 7 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 5,31% đến 7,5%/năm, trong đó, một số khoản tiền gửi có tổng giá trị là 395 tỷ đồng Việt Nam đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Bắc Ninh, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. Ngoài ra, một phần tiền gửi kỳ hạn này với giá trị tương đương 20% dư nợ tiền ích của khoản vay từ Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ Việt Nam cũng được dùng để cầm cố cho khoản vay của Công ty tại ngân hàng này (Thuyết minh số 17).

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu từ hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi và các hoạt động khác	64.610.865.438	65.708.301.014
Phải thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản	359.472.166.463	374.304.597.308
TỔNG CỘNG	<u>424.083.031.901</u>	<u>440.012.898.322</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(15.000.000.000)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Số đầu năm	15.000.000.000	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(15.000.000.000)	15.000.000.000
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>15.000.000.000</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÂN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Khoản cho các nhân viên của Tập đoàn vay (*)	225.000.000	2.672.000.000
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	8.223.483.772	1.083.333.333
Thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa thanh toán cho nhà cung cấp	2.205.112.079	-
Phải thu khác	628.735.667	473.364.759
TỔNG CỘNG	11.282.331.518	4.228.698.092

(*) Đây là các khoản vay không chịu lãi, không được đảm bảo và có thời hạn hoàn trả là một năm kể từ ngày giải ngân.

8. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Hàng mua đang đi trên đường	212.847.301.865	20.074.729.500
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	384.295.152.151	393.953.664.893
Công cụ, dụng cụ	4.578.054.634	2.742.562.476
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	886.379.624.712	789.768.694.388
<i>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các dự án bất động sản (i)</i>	<i>534.709.265.073</i>	<i>523.025.057.355</i>
<i>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang hoạt động chăn nuôi và hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi</i>	<i>351.670.359.639</i>	<i>266.743.637.033</i>
Thành phẩm	294.722.811.388	341.937.429.517
<i>Bất động sản để bán</i>	<i>255.960.464.872</i>	<i>255.786.864.872</i>
<i>Thức ăn chăn nuôi, thực phẩm chế biến và bao bì</i>	<i>38.762.346.516</i>	<i>86.150.564.645</i>
Hàng hóa	101.733.574.003	65.591.734.971
TỔNG CỘNG	1.884.556.518.753	1.614.068.815.745

(i) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các dự án bất động sản như sau:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Khu Công Nghiệp Quế Võ 3	431.233.057.867	398.257.104.019
Hồ điều hòa Văn Miếu	94.937.145.000	88.260.482.000
Khu nhà ở đường Lê Thái Tổ	-	10.699.226.037
Khu nhà ở Huyện Quang 1	503.980.853	919.082.671
Khu nhà ở Huyện Quang 2	1.001.006.783	9.724.239.411
Khu đô thị Vạn An	1.060.309.728	1.060.309.728
Khu đô thị Phù Khê	1.110.891.020	1.110.891.020
Khu đô thị Đình Bảng	1.269.296.445	1.269.296.445
Dự án Phố Ngụ	-	1.020.321.626
Các dự án khác	3.593.577.377	10.704.104.398
TỔNG CỘNG	534.709.265.073	523.025.057.355

ĐỒ
 HI NI
 CÔNG
 NHIE
 ST 8
 'IÉT
 SI H
 VIÊN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, toàn bộ hàng tồn kho liên quan đến dự án Khu Công nghiệp Quế Võ 3 đang được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh (Thuyết minh số 22.1). Ngoài ra Tập đoàn cũng đang thế chấp hàng tồn kho tại Nhà máy Chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp Topfeeds tại Khu Công nghiệp Khắc Niệm, Bắc Ninh với giá trị tối thiểu tương đương 8 triệu USD cho các khoản vay từ Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ Việt Nam, toàn bộ hàng tồn kho của Nhà máy Dabaco Kinh Bắc cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và kho ngô, sản thành phẩm của Công ty TNHH MTV Dabaco Tây Bắc cho khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hòa Bình (Thuyết minh số 17).

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tạm ứng cho nhân viên	17.321.287.324	13.047.132.264
Ký quỹ để mở thư tín dụng ở ngân hàng	34.129.758.699	16.340.582.944
TỔNG CỘNG	51.451.046.023	29.387.715.208

56 / AN TY HU YO DAN HO - 1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Trang thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012	542.698.524.486	378.354.541.319	70.242.215.510	15.293.289.732	1.006.588.571.047
Mua trong năm	-	64.610.405.837	9.426.449.914	529.388.110	74.566.243.861
Đầu tư XDCB hoàn thành	177.149.795.992	18.354.430.127	-	184.356.364	195.688.582.483
Tăng khác	1.732.367.401	-	-	-	1.732.367.401
Thanh lý, nhượng bán	-	(21.952.543.600)	-	-	(21.952.543.600)
Giảm khác (*)	(326.768.838)	(1.436.717.374)	(26.912.000)	(5.955.317.990)	(7.745.716.202)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	721.253.919.041	437.930.116.309	79.641.753.424	10.051.716.216	1.248.877.504.990
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	3.663.621.458	41.521.583.990	10.217.806.713	2.541.538.948	57.944.551.109
Giá trị hao mòn:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012	115.705.383.083	142.537.923.380	30.196.622.027	11.964.794.107	300.404.722.596
Khấu hao trong năm	47.809.548.098	42.013.658.848	10.777.370.277	2.554.042.418	103.154.619.641
Tăng khác	199.752.847	-	-	-	199.752.847
Thanh lý, nhượng bán	-	(691.031.835)	-	(148.026.495)	(839.058.330)
Giảm khác (*)	(18.192.879)	(589.991.261)	(20.693.721)	(5.381.207.132)	(6.010.084.993)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	163.696.491.149	183.270.559.132	40.953.298.583	8.989.602.898	396.909.951.761
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012	426.993.141.403	235.816.617.939	40.045.593.483	3.328.495.625	706.183.848.451
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	557.557.427.892	254.659.557.177	38.688.454.841	1.062.113.318	851.967.553.229
<i>Trong đó:</i>					
<i>Tài sản sử dụng để cầm cố/thế chấp(**)</i>	125.228.884.514	108.106.705.358	12.964.737.060	252.354.138	246.552.681.070

(*) Trong năm, Tập đoàn đã phân loại lại các tài sản không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo hướng dẫn của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45") sang chi phí trả trước dài hạn.

(**) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, một số tài sản cố định là nhà xưởng, máy móc thiết bị sản xuất và dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi với giá trị còn lại là 246,5 tỷ đồng Việt Nam đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại như đã được trình bày trong Thuyết minh số 17 và Thuyết minh số 22.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

*Đơn vị tính: VND
Máy móc thiết bị*

Nguyên giá:	
Số đầu năm	-
Thuê trong năm	<u>53.137.677.346</u>
Số cuối năm	<u>53.137.677.346</u>
Giá trị hao mòn:	
Số đầu năm	-
Khấu hao trong năm	<u>1.416.986.845</u>
Số cuối năm	<u>1.416.986.845</u>
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	<u><u>51.720.690.501</u></u>

Công ty thuê các máy móc thiết bị là hệ thống thiết bị chuồng trại cho nhà gà đẻ, hệ thống ấp trứng, hệ thống điều khiển nhiệt, hệ thống chế biến thực phẩm và nhà gà giống theo các hợp đồng thuê tài chính ký trong năm 2013. Các cam kết liên quan các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày trong Thuyết minh số 22.2.

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

*Đơn vị tính: VND
Quyền sử dụng đất*

Nguyên giá:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012	1.732.367.401
Phân loại lại (*)	<u>(1.732.367.401)</u>
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	-
Giá trị hao mòn:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012	165.105.499
Hao mòn trong năm	34.647.348
Phân loại lại (*)	<u>(199.752.847)</u>
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	-
Giá trị còn lại:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012	<u>1.567.261.902</u>
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, toàn bộ quyền sử dụng đất nêu trên đang được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh (Thuyết minh số 17).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (tiếp theo)

(*) Tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là khoản tiền thuê đất trả trước của Công ty TNHH MTV Thương mại Hiệp Quang theo hợp đồng thuê đất ký với UBND tỉnh Bắc Ninh vào ngày 5 tháng 10 năm 2010. Trước ngày 10 tháng 6 năm 2013, khoản tiền thuê đất này được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được trích hao mòn trong thời gian thuê đất là 50 năm. Kể từ ngày 11 tháng 6 năm 2013, theo quy định của Thông tư 45/2013/TT-BTC, giá trị còn lại của khoản tiền thuê đất trả trước này được phân loại từ khoản mục tài sản cố định vô hình sang khoản mục chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí trong thời gian trả trước còn lại theo hợp đồng thuê (Thuyết minh số 15).

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án Trung tâm nghiên cứu giống gà Sơn Tinh	-	15.469.912.054
Dự án Nhà máy nguyên liệu Khắc Niêm	-	9.165.400.121
Dự án Nhà làm việc cao tầng	39.564.959.953	27.722.423.588
Dự án Bệnh viện Dabaco	12.556.871.219	12.556.871.219
Dự án hệ thống chuồng trại gà Dabaco Phú Thọ	7.396.567.818	3.458.219.864
Dự án mở rộng văn phòng Công ty	6.000.000.000	-
Dự án hệ thống chuồng trại gà Yên Thế	4.339.752.455	-
Các dự án khác	3.928.651.057	12.645.626.784
TỔNG CỘNG	<u>73.786.802.502</u>	<u>81.018.453.630</u>

Bao gồm trong chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là một số tài sản trên đất thuộc Dự án Nhà làm việc cao tầng với tổng số tiền là 38,2 tỷ đồng Việt Nam đang được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Bắc Ninh (Thuyết minh số 17).

14. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Tập đoàn đã vốn hóa chi phí đi vay tổng cộng là 16.865.881.129 đồng Việt Nam (năm 2012: 24.826.570.241 đồng Việt Nam). Chi phí đi vay này là lãi vay phát sinh từ các khoản vay dùng để đầu tư cho dự án Khu Công nghiệp Quế Võ 3 của Tập đoàn.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công cụ, dụng cụ	11.667.542.337	8.367.160.631
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.103.202.796	961.543.632
TỔNG CỘNG	<u>12.770.745.133</u>	<u>9.328.704.263</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Đơn vị tính: VND

*Lợi thế thương mại
từ hợp nhất Công ty
TNHH MTV Thương
mại Hiệp Quang*

Nguyên giá:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012	<u>11.817.922.747</u>
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	<u>11.817.922.747</u>

Phân bổ lũy kế:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012	3.545.376.825
Phân bổ trong năm	<u>1.181.792.275</u>
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	<u>4.727.169.100</u>

Giá trị còn lại

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012	<u>8.272.545.922</u>
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	<u>7.090.753.647</u>

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Vay ngắn hạn	1.326.117.402.055	1.168.691.458.839
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vay ngắn hạn từ ngân hàng</i>	1.323.767.402.055	1.168.291.458.839
<i>Vay ngắn hạn từ cá nhân (*)</i>	2.350.000.000	400.000.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 22)	81.938.752.804	83.786.162.990
Trái phiếu đến hạn (Thuyết minh số 22)	-	187.279.400.000
TỔNG CỘNG	<u>1.408.056.154.859</u>	<u>1.439.757.021.829</u>

(*) Vay ngắn hạn từ cá nhân bao gồm các khoản vay có thời hạn từ 3 tháng đến 6 tháng, không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất từ 11,28%/năm đến 13%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2013		Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VNĐ	Nguyên tệ (US\$)			
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Bắc Ninh	296.121.695.483		Thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ, tối đa 6 tháng. Lãi vay trả vào ngày 25 hàng tháng	7,5%/năm- 9,5%/năm	Khoản tiền gửi có kỳ hạn với số tiền là 250 tỷ đồng Việt Nam (Thuyết minh số 5) và dự án Nhà làm việc cao tầng với tổng số tiền là 38,2 tỷ đồng Việt Nam (Thuyết minh số 13)
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hòa Bình	41.060.837.367		Thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ, tối đa 9 tháng. Lãi vay trả vào ngày 25 hàng tháng	9%	Toàn bộ nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị của Công ty TNHH MTV Dabaco Tây Bắc (Thuyết minh số 10), kho ngô, sản thành phẩm của Công ty TNHH MTV Dabaco Tây Bắc (Thuyết minh số 8) và cam kết bảo lãnh của công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam.
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh	330.133.519.933		Thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ, tối đa 6 tháng. Lãi vay trả vào ngày 25 hàng tháng	7%/năm- 9,5%/năm	Toàn bộ 4 tài sản thế chấp gắn liền với quyền sử dụng đất ở Bắc Ninh (Thuyết minh số 10); 5 chứng chỉ tiền gửi có giá trị là 109 tỷ VNĐ (Thuyết minh số 5) và quyền sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Thương mại Hiệp Quang (Thuyết minh số 12)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh	238.187.015.726		Thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ, tối đa là 5 tháng. Lãi vay trả vào ngày 26 hàng tháng	7%-8%	Toàn bộ tài sản hình thành thuộc Dự án đầu tư nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp Nutreco tại KCN Hoàn Sơn công suất 16T/H (đồng thời là tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại ngân hàng này – xem Thuyết minh số 22.1)
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (VNĐ)	112.459.517.903		Thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ, tối đa 6 tháng. Lãi vay trả vào ngày 25 hàng tháng.	9,4%- 9,9%/năm	Tài sản thế chấp là hệ thống thiết bị đồng bộ của dự án chăn nuôi lợn nái bố mẹ (Thuyết minh số 10)
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (US\$)	6.827.194.082	323.089	Thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ, tối đa 6 tháng. Lãi vay trả vào ngày 25 hàng tháng.	5,6%/năm	Tài sản thế chấp là hệ thống thiết bị đồng bộ của dự án chăn nuôi lợn nái bố mẹ (Thuyết minh số 10)
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	82.187.595.688		Thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ, tối đa là 5 tháng. Lãi vay trả vào ngày 25 hàng tháng	7,3%/năm- 9%/năm	Tài sản đảm bảo bao gồm bất động sản là nhà xưởng và máy móc thiết bị tại Nhà máy Thức ăn thủy sản Kinh Bắc và Thức ăn Gia súc Dabaco II (Thuyết minh số 10)
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	155.424.185.134		Thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ, tối đa là 6 tháng. Lãi vay trả vào ngày 25 hàng tháng	5,5%/năm- 6%/năm	Tài sản đảm bảo là 1 dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi, 3 xe nâng dầu 2,5 tấn và toàn bộ phụ tùng gắn liền với tài sản (Thuyết minh số 10); chứng chỉ tiền gửi có giá trị 36 tỷ đồng Việt Nam (Thuyết minh số 5) và toàn bộ hàng tồn kho của Nhà máy Dabaco Kinh Bắc (Thuyết minh số 8)
Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ Việt Nam	61.365.840.739		Thời hạn vay là ngày cuối cùng của kỳ tính lãi, là ngày 6 tháng 1 năm 2014	7,5%/năm	Tài sản thế chấp là hàng tồn kho tại Nhà máy Chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp TOPFEEDS với giá trị tối thiểu tương đương 8.000.000 USD (Thuyết minh số 8) và hợp đồng cầm cố khoản tiền gửi có giá trị tương đương 20% dư nợ tiện ích trong tài khoản Công ty mở tại ANZ (Thuyết minh số 5)
TỔNG CỘNG	1.323.767.402.055	323.089			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Thuế giá trị gia tăng	3.521.121.760	3.186.462.087
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 29.1)	48.056.619.474	21.100.238.963
Thuế thu nhập cá nhân	-	66.605.576
Tiền sử dụng đất (*)	13.599.894.784	30.649.088.189
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	<u>238.507.764</u>	<u>60.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>65.416.143.782</u>	<u>55.062.394.815</u>

(*) Đây là tiền sử dụng đất còn lại của Dự án khu đô thị Đền Đô, phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh phải trả cho Ngân sách tỉnh Bắc Ninh theo Quyết định số 239/QĐ-UBND ngày 3 tháng 3 năm 2011 (Thuyết minh số 33).

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí lãi vay	4.255.082.602	17.974.123.505
Chi phí xây dựng bất động sản	22.208.487.691	18.623.670.550
Chiết khấu phải trả các đại lý	<u>45.472.451.967</u>	<u>59.948.535.683</u>
TỔNG CỘNG	<u>71.936.022.260</u>	<u>96.546.329.738</u>

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội	3.520.214.038	2.322.782.318
Nhận hỗ trợ tạm thời để bình ổn giá phải trả cho UBND tỉnh Bắc Ninh	17.000.000.000	15.000.000.000
Nhận hỗ trợ kinh phí xây dựng hệ thống xử lý môi trường từ UBND tỉnh Bắc Ninh	11.475.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	<u>1.040.287.189</u>	<u>2.056.779.040</u>
TỔNG CỘNG	<u>33.035.501.227</u>	<u>19.379.561.358</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số dư đầu năm	30.783.312.197	17.579.349.761
Trích lập trong năm (Thuyết minh số 23.1)	18.000.000.000	19.167.659.294
Sử dụng trong năm	<u>(11.817.069.214)</u>	<u>(5.963.696.858)</u>
Số dư cuối năm	<u>36.966.242.983</u>	<u>30.783.312.197</u>

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh 22.1)	146.975.808.570	228.889.669.305
Nợ thuê tài chính dài hạn (Thuyết minh 22.2)	60.498.540.498	-
Trái phiếu chuyển đổi (Thuyết minh 23.1)	<u>-</u>	<u>187.279.400.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>207.474.349.068</u>	<u>416.169.069.305</u>
<i>Trong đó:</i>		
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17)	81.938.752.804	83.786.162.990
Vay và nợ dài hạn	125.535.596.264	145.103.506.315
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	-	187.279.400.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

22.1 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Bên cho vay	Ngày 31 tháng 12 năm 2013		Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Đơn vị tính: VNĐ Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ (US\$)			
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh	10.253.225.728	-	Gốc được trả 3 tháng một lần, lần cuối là vào tháng 7 năm 2015. Lãi vay trả vào ngày 25 hàng tháng.	12,4%/năm 15,94%/năm	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, máy móc thiết bị thuộc dự án xây dựng Nhà máy chế biến thịt gia súc, gia cầm và nhà máy xí nghiệp chăn nuôi 1600 nái bố mẹ siêu nạc Tân Chi (Thuyết minh số 10)
<i>Trong đó vay dài hạn đến hạn trả</i> Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh	5.878.871.792 82.399.807.608	-	Gốc được trả 6 tháng một lần, lần cuối là vào tháng 5 năm 2015. Lãi vay trả vào ngày 25 hàng tháng.	14,5%/năm	Tài sản hình thành trong tương lai của Dự án Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Cơ sở hạ tầng KCN Quế Võ 3 (Thuyết minh số 8)
<i>Trong đó vay dài hạn đến hạn trả</i> Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	52.800.000.000 43.856.626.734	-	Gốc được trả 6 tháng một lần, lần cuối là vào tháng 5 năm 2017. Lãi vay trả vào ngày 26 hàng tháng.	11%/năm	Toàn bộ tài sản hình thành thuộc Dự án đầu tư nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp Nutreco tại KCN Hoàn Sơn công suất 16T/H (Thuyết minh số 10)
<i>Trong đó vay dài hạn đến hạn trả</i> Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Bắc Ninh (VNĐ)	12.000.000.000 9.865.000.000	-	Gốc được trả 6 tháng một lần, lần cuối là vào tháng 7 năm 2016. Lãi vay trả vào ngày 25 hàng tháng.	12%/năm	Toàn bộ tài sản hình thành thuộc Dự án đầu tư nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp Nutreco tại KCN Hoàn Sơn công suất 16T/H (Thuyết minh số 10)
<i>Trong đó vay dài hạn đến hạn trả</i> Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Bắc Ninh (US\$)	2.174.000.000 601.148.500	28.450	Gốc được trả 6 tháng một lần, lần cuối là vào tháng 7 năm 2016. Lãi vay trả vào ngày 25 hàng tháng.	7,5%/năm	Toàn bộ tài sản hình thành thuộc Dự án Dự án đầu tư nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp Nutreco tại KCN Hoàn Sơn công suất 16T/H (Thuyết minh số 10)
<i>Trong đó vay dài hạn đến hạn trả</i>	169.040.000	8.000			
TỔNG CỘNG	146.975.808.570	28.450			
<i>Trong đó vay dài hạn đến hạn trả</i>	73.021.911.792	8.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

22.2 Nợ thuê tài chính dài hạn

Chi tiết nợ thuê tài chính dài hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

<i>Công ty cho thuê</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất</i>
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	23.303.693.692	Thanh toán gốc và lãi hàng tháng cho đến tháng 10 năm 2018.	14%
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	13.534.151.000	Thanh toán gốc và lãi hàng tháng cho đến tháng 9 năm 2018.	11%
Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	15.348.153.806	Thanh toán tiền thuê bao gồm nợ gốc định kỳ 3 tháng/1 lần và lãi cho thuê tài chính định kỳ 1 tháng/1 lần cho đến tháng 9 năm 2017.	Lãi suất 6 tháng đầu là 11%/năm, sau đó bằng lãi suất cho thuê tài chính cơ bản + 2,4%/năm, và sẽ được điều chỉnh 6 tháng/lần.
Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	8.312.542.000		
Tổng cộng	60.498.540.498		

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>		
	<i>Số cuối năm</i>		
<i>Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính</i>	<i>Lãi thuê tài chính</i>	<i>Nợ gốc</i>	
Nợ thuê tài chính ngắn hạn Từ 1 năm trở xuống	15.746.764.783	6.829.923.771	8.916.841.012
Nợ thuê tài chính dài hạn Trên 1-5 năm	66.330.513.695	14.748.814.209	51.581.699.486
TỔNG CỘNG	82.077.278.478	21.578.737.980	60.498.540.498

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	<i>Vốn cổ phần đã phát hành</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Năm trước							
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2012	436.111.000.000	355.328.261.700	6.986.489.982	182.445.741.648	29.843.672.107	220.430.274.255	1.231.145.439.692
Tăng vốn	47.988.600.000	19.198.600.000	-	-	-	-	67.187.200.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	249.738.614.847	249.738.614.847
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	94.724.986.959	19.167.659.293	(113.892.646.252)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(19.167.659.294)	(19.167.659.294)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(145.768.364.500)	(145.768.364.500)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	(6.986.489.982)	-	-	-	(6.986.489.982)
Tăng/(giảm) khác	-	(30.000.000)	-	363.409.537	-	(160.281.371)	173.128.166
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012	484.099.600.000	374.496.861.700	-	277.534.138.144	49.011.331.400	191.179.937.685	1.376.321.868.929
Năm nay							
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2013	484.099.600.000	374.496.861.700	-	277.534.138.144	49.011.331.400	191.179.937.685	1.376.321.868.929
Tăng vốn (*)	143.319.630.000	43.936.130.521	-	-	-	-	187.255.760.521
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	191.149.664.332	191.149.664.332
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	136.353.874.239	23.951.592.880	(160.305.467.119)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(14.068.775.500)	(14.068.775.500)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	627.419.230.000	418.432.992.221	-	413.888.012.383	72.962.924.280	189.955.359.398	1.722.658.518.282

(*) Vào ngày 14 tháng 2 năm 2013, Công ty đã thực hiện chuyển đổi 1.872.794 trái phiếu chuyển đổi với tổng số nợ có quyền chuyển đổi là 187.279.400.000 đồng Việt Nam thành 14.331.963 cổ phiếu, với giá chuyển đổi là 13.067 đồng Việt Nam/cổ phiếu (sau khi trừ chi phí chuyển đổi). Việc chuyển đổi này đã nâng vốn cổ phần đã phát hành của Công ty từ 484.099.600.000 đồng Việt Nam lên thành 627.419.230.000 đồng Việt Nam. Công ty đã hoàn thành việc đăng ký thay đổi vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số 2300105790 (thay đổi lần thứ 14) ngày 20 tháng 2 năm 2013 và niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu được chuyển đổi từ trái phiếu nêu trên tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 12 tháng 4 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Chi tiết vốn cổ phần đã góp

	Đơn vị tính: VNĐ			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Tổng số	Cổ phiếu thường
Vốn góp của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	567.419.230.000	567.419.230.000	424.099.600.000	424.099.600.000
Thặng dư vốn cổ phần	418.333.992.221	418.333.992.221	374.397.861.700	374.397.861.700
TỔNG CỘNG	1.045.753.222.221	1.045.753.222.221	858.497.461.700	858.497.461.700

23.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp		
Vào ngày 1 tháng 1	484.099.600.000	436.111.000.000
Tăng trong năm	143.319.630.000	47.988.600.000
Vào ngày 31 tháng 12	627.419.230.000	484.099.600.000
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố và đã trả	14.068.775.500	145.768.364.500
Cổ tức cho năm 2011	-	145.768.364.500
Cổ tức cho năm 2012	14.068.775.500	-

23.4 Cổ phiếu

	Đơn vị tính: VNĐ			
	Năm nay		Năm trước	
	Số lượng	VNĐ	Số lượng	VNĐ
Cổ phiếu phổ thông đã góp vốn, đã phát hành, và đang được lưu hành	62.741.923	627.419.230.000	48.409.960	484.099.600.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ (2012: 10.000 VNĐ)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	4.838.039.797.927	5.538.849.128.867
<i>Trong đó</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	4.073.189.463.177	3.938.647.081.457
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	710.623.325.338	587.111.966.521
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	54.227.009.412	6.848.022.964
<i>Doanh thu chuyển nhượng bất động sản (*)</i>	-	1.006.242.057.925
Các khoản giảm trừ doanh thu	133.759.761.584	764.498.345.131
Chiết khấu thương mại	126.071.285.654	154.421.673.490
Giảm giá hàng bán (*)	369.013.881	120.132.994.545
Hàng bán bị trả lại	7.319.462.049	489.943.677.096
Doanh thu thuần	4.704.280.036.343	4.774.350.783.736
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	3.941.245.915.474	3.509.754.174.700
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	709.176.125.338	861.583.199.788
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	53.857.995.531	6.848.022.964
<i>Doanh thu chuyển nhượng bất động sản</i>	-	396.165.386.284

(*) Vào ngày 16 tháng 3 năm 2012, Tập đoàn đã bàn giao toàn bộ quyền sử dụng đất của Dự án Khu đô thị Đền Đô cho Công ty Thương mại Đầu tư Xây dựng Thành Lợi ("Công ty Thành Lợi") theo Hợp đồng chuyển nhượng số 18-01/2012/HĐCN ký ngày 18 tháng 1 năm 2012. Tổng doanh thu và giá vốn được Tập đoàn ghi nhận trong sáu tháng đầu năm 2012 từ giao dịch này tương ứng là 989,3 tỷ đồng Việt Nam và 686,8 tỷ đồng Việt Nam. Theo Thỏa thuận đề ngày 19 tháng 2 năm 2012, Tập đoàn đã giảm giá chuyển nhượng bất động sản nêu trên cho Công ty Thành Lợi một khoản là 170 tỷ đồng Việt Nam.

Vào ngày 25 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn đã nhận lại một phần quyền sử dụng đất của Khu Đô thị Đền Đô từ Công ty Thành Lợi theo Phụ lục hợp đồng số 02/PL-HĐCN và ghi nhận giao dịch này vào khoản mục Hàng bán bị trả lại với số tiền là 484,7 tỷ đồng Việt Nam, đồng thời ghi giảm khoản mục Giá vốn hàng bán với số tiền là 341 tỷ đồng Việt Nam trong giai đoạn sáu tháng cuối năm 2012. Sau đó, Tập đoàn đã điều chỉnh lại khoản giảm giá chuyển nhượng bất động sản cho Công ty Thành Lợi còn 120 tỷ đồng Việt Nam dựa trên Thỏa thuận ký ngày 31 tháng 12 năm 2012.

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi	29.967.227.793	39.098.451.490
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	30.156.480	11.337.065.944
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	4.924.028.499
Doanh thu hoạt động tài chính khác	810.938.429	1.880.340.658
TỔNG CỘNG	30.808.322.702	57.239.886.591

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	3.086.775.897.899	3.351.977.137.700
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.062.389.812.689	569.379.522.706
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	45.498.253.839	5.227.238.149
Giá vốn bất động sản được chuyển nhượng	-	281.161.854.071
TỔNG CỘNG	<u>4.194.663.964.427</u>	<u>4.207.745.752.626</u>

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	117.662.773.757	138.290.408.699
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.346.765.379	3.389.079.893
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	323.565	-
Phí mở LC	4.056.798.075	-
TỔNG CỘNG	<u>126.066.660.776</u>	<u>141.679.488.592</u>

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu và phát triển bất động sản	3.968.740.291.036	4.013.807.859.888
Chi phí nhân công	203.486.254.192	175.746.574.646
Chi phí khấu hao và khấu trừ tài sản cố định	104.606.253.834	84.822.145.034
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.389.391.547	64.000.462.133
Chi phí tài chính	126.066.660.776	141.679.488.592
Chi phí khác	47.126.033.112	62.566.223.594
TỔNG CỘNG	<u>4.520.414.884.497</u>	<u>4.542.622.753.887</u>

28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	84.614.465.600	44.564.014.733
Thu nhập từ bán gia súc, gia cầm kèm phẩm chất hoặc thải loại	53.237.666.179	40.076.422.215
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	28.607.013.768	-
Thu nhập khác	2.769.785.653	4.487.592.518
Chi phí khác	58.719.561.491	27.911.945.863
Giá vốn bán gia súc, gia cầm kèm phẩm chất hoặc thải loại	28.835.427.873	26.969.905.042
Giá trị còn lại của tài sản cố định được thanh lý	28.607.013.768	-
Chi phí khác	1.277.119.850	942.040.821
GIÁ TRỊ THUẬN	<u>25.894.904.109</u>	<u>16.652.068.870</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con là 25% lợi nhuận chịu thuế. Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi là 20% cho hoạt động sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi gia súc từ năm 2005 đến năm 2014. Các công ty con có hoạt động sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi gia súc cũng được hưởng thuế suất ưu đãi là 20% cho hoạt động này. Do vậy, thuế suất áp dụng cho hoạt động sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi gia súc của Công ty và các công ty con (ngoại trừ Công ty TNHH Lợn giống Dabaco) trong năm 2013 là 20%, và thuế suất áp dụng cho hoạt động kinh doanh bất động sản và các hoạt động khác của Công ty và các công ty con là 25%.

Công ty TNHH Lợn giống Dabaco được hưởng ưu đãi không chịu thuế trong 2 năm đầu tiên thành lập (năm 2011 và 2012), Công ty bắt đầu áp dụng mức thuế suất giảm trừ 50% bắt đầu từ năm 2013.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận trước thuế và thu nhập chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận trước thuế và thu nhập chịu thuế.

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận trước thuế	240.568.378.657	305.619.985.310
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
Phân bổ lợi thế thương mại	1.181.792.275	1.181.792.275
Ảnh hưởng thuần của dự phòng suy giảm giá trị đầu tư vào công ty con	(40.292.034.008)	(30.859.691.572)
Các khoản lỗ của các công ty con không chịu thuế	47.890.179.507	57.959.015.819
Lãi chậm nộp thuế	44.846.395	-
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	249.393.162.826	333.901.101.832
<i>Trong đó:</i>		
Thu nhập được ưu đãi không chịu thuế	-	13.132.614.812
Thu nhập chịu thuế suất 12,5%	9.228.882.908	-
Thu nhập chịu thuế suất 20%	213.576.553.501	196.034.298.054
Thu nhập chịu thuế suất 25%	26.587.726.417	124.734.188.966
Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm hiện hành	50.515.852.668	69.294.905.308
Giảm 30% thuế TNDN cho hoạt động sản xuất, chế biến nông sản theo Nghị quyết số 29/2012/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 21/6/2012	-	(11.150.421.420)
Điều chỉnh giảm 30% thuế TNDN năm trước cho doanh nghiệp vừa và nhỏ theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21/8/2012	(1.097.138.343)	(2.626.522.962)
Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm hiện hành sau khi giảm trừ thuế	49.418.714.325	55.517.960.926
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	363.409.537
Thuế TNDN phải trả trong năm hiện hành	49.418.714.325	55.881.370.463
Thuế TNDN phải trả đầu năm	21.100.238.963	10.343.526.533
Thuế TNDN đã trả trong năm	(22.462.333.814)	(31.518.761.668)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	48.056.619.474	21.100.238.963

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.2 Lỗ chuyển sang từ năm trước

Công ty mẹ và các công ty con được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công ty con có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 105.849.195.326 VNĐ (31 tháng 12 năm 2012: 57.959.015.819 VNĐ) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2013	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2013
2012	2017	(1) 57.959.015.819	-	-	57.959.015.819
2013	2018	(2) 47.890.179.507	-	-	47.890.179.507
TỔNG CỘNG		105.849.195.326	-	-	105.849.195.326

(1) Lỗ tính thuế theo biên bản quyết toán thuế.

(2) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

29.3 Thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế hoãn lại đối với khoản lỗ thuế từ các công ty con trong năm nay và các năm trước do tính không chắc chắn của lợi nhuận tính thuế trong tương lai. Các khoản lỗ thuế này chưa được quyết toán bởi cơ quan thuế.

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ.

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	4.822.550.820	4.223.832.000
TỔNG CỘNG	4.822.550.820	4.223.832.000

Vào ngày 14 tháng 2 năm 2013, Công ty đã hoàn tất việc chuyển đổi một số trái phiếu chuyển đổi của các cổ đông lớn của Dabaco thành cổ phiếu với giá chuyển đổi là 13.067 VNĐ/cổ phiếu như đã trình bày tại Thuyết minh số 23.1. Chi tiết số lượng trái phiếu chuyển đổi của các cổ đông lớn này như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Số trái phiếu đã được chuyển đổi	Số cổ phiếu phát hành để chuyển đổi
Ông Nguyễn Như So	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	235.022	1.798.591
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	Cổ đông lớn	485.000	3.711.640
Vietnam Equity Holding	Cổ đông lớn	165.000	1.262.722
Red River Holding	Cổ đông lớn	302.310	2.313.537

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	191.149.664.332	249.738.614.847
Ảnh hưởng suy giảm do chi phí lãi vay phát sinh từ trái phiếu chuyển đổi	-	14.585.145.865
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	191.149.664.332	264.323.760.712
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	60.842.339	47.831.467
Ảnh hưởng suy giảm do trái phiếu có thể chuyển đổi	-	11.768.028
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm.	60.842.339	59.599.495

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc niên độ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các hoạt động kinh doanh chủ yếu của Tập đoàn đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Toàn bộ các hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn như sau:

Đơn vị tính: VND

	<i>Sản xuất và bán thức ăn chăn nuôi</i>	<i>Kinh doanh bất động sản</i>	<i>Sản xuất con giống, chăn nuôi, chế biến thực phẩm và các hoạt động khác</i>	<i>Loại trừ</i>	<i>Tổng cộng</i>
Năm nay					
Doanh thu thuần					
<i>Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài</i>	2.992.581.218.737	51.499.516.843	1.660.199.300.763	-	4.704.280.036.343
<i>Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận</i>	1.737.286.366.944	60.346.489.923	278.793.248.846	(2.076.426.105.713)	-
Tổng doanh thu thuần	4.739.593.677.581	102.119.914.866	1.938.992.549.609	(2.076.426.105.713)	4.704.280.036.343
Kết quả					
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	246.894.037.160	4.182.728.457	(23.429.878.453)	12.921.491.493	240.568.378.657
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành</i>	43.125.711.731	1.337.678.998	2.371.025.297	2.584.298.299	49.418.714.325
<i>Lợi nhuận thuần sau thuế</i>	203.768.325.429	2.845.049.459	(25.800.903.750)	10.337.193.194	191.149.664.332
Tài sản và nợ phải trả					
Tổng tài sản	2.092.602.242.530	1.228.312.927.814	939.880.564.327	(246.998.583.610)	4.013.797.151.063
<i>Tài sản bộ phận</i>	2.092.602.242.530	1.228.312.927.814	939.880.564.327	(790.410.504.283)	3.470.385.230.390
<i>Tài sản không phân bổ (*)</i>	-	-	-	543.411.920.673	543.411.920.673
Tổng nợ phải trả	1.879.498.659.859	291.155.882.010	579.259.993.369	(458.775.902.453)	2.291.138.632.781
<i>Nợ phải trả bộ phận</i>	1.879.498.659.859	291.155.882.010	579.259.993.369	(458.775.902.453)	2.291.138.632.781
<i>Nợ phải trả không phân bổ</i>	-	-	-	-	-

Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, và các khoản đầu tư tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	<i>Sản xuất và bán thức ăn chăn nuôi</i>	<i>Kinh doanh bất động sản</i>	<i>Sản xuất con giống, chăn nuôi, chế biến thực phẩm và các hoạt động khác</i>	<i>Loại trừ</i>	<i>Tổng cộng</i>
Năm trước					
Doanh thu thuần					
<i>Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài</i>	3.014.014.640.188	400.218.024.370	1.360.118.119.178	-	4.774.350.783.736
<i>Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận</i>	1.384.164.159.959	-	240.281.013.610	(1.624.445.173.569)	-
Tổng doanh thu thuần	4.398.178.800.147	400.218.024.370	1.600.399.132.788	(1.624.445.173.569)	4.774.350.783.736
Kết quả					
Lợi nhuận trước thuế	191.403.829.385	96.675.775.616	(19.852.441.882)	37.392.822.191	305.619.985.310
Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.871.215.937	24.490.745.942	3.519.408.584	-	55.881.370.463
Lợi nhuận thuần sau thuế	163.532.613.448	72.185.029.674	(23.371.850.466)	37.392.822.191	249.738.614.847
Tài sản và nợ phải trả					
Tổng tài sản	2.397.359.041.023	1.270.500.369.496	614.530.021.789	(731.884.316.936)	3.550.505.115.372
Tài sản bộ phận	2.397.359.041.023	1.270.500.369.496	614.530.021.789	(1.250.642.489.923)	3.031.746.942.385
Tài sản không phân bổ (*)	-	-	-	518.758.172.987	518.758.172.987
Tổng nợ phải trả	2.141.386.776.402	27.919.441.519	426.569.369.250	(421.692.340.728)	2.174.183.246.443
Nợ phải trả bộ phận	2.141.386.776.402	27.919.441.519	426.569.369.250	(421.692.340.728)	2.174.183.246.443
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-

Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, và các khoản đầu tư tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TANG

Các cam kết về chi phí xây dựng và phát triển các bất động sản

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tập đoàn có các cam kết về chi phí xây dựng và phát triển các bất động sản theo hợp đồng với các nhà thầu xây lắp với số tiền khoảng 290,3 tỷ đồng Việt Nam.

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	1.928.981.082	1.928.981.082
Trên 1 – 5 năm	9.522.757.410	9.522.757.410
Trên 5 năm	<u>82.223.477.526</u>	<u>84.763.198.608</u>
TỔNG CỘNG	<u>93.675.216.018</u>	<u>96.214.937.100</u>

Tiền sử dụng đất của Dự án Khu đô thị Đền Đô

Theo Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 10 tháng 2 năm 2010, Công ty đã trúng thầu đấu giá quyền sử dụng đất của Dự án Khu đô thị Đền Đô ("Dự án"), theo đó, Công ty được phê duyệt là chủ đầu tư để phát triển Dự án và sẽ được bàn giao 6,3 hecta đất bao gồm cả hạ tầng kỹ thuật.

Theo Quyết định số 1903/QĐ-UBND do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2010, việc đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật của Dự án sẽ do Ban Quản lý các Dự án Xây dựng thị xã Từ Sơn làm chủ đầu tư và chịu trách nhiệm hoàn thành để bàn giao cùng diện tích đất của Dự án cho Công ty. Công tác thi công phần hạ tầng kỹ thuật này cũng đã được trao thầu cho Liên danh giữa Công ty và Công ty Cổ phần Hương Thịnh theo Quyết định số 275/QĐ-UBND nêu trên.

Vào ngày 23 tháng 2 năm 2010, Liên danh giữa Công ty và Công ty Cổ phần Hương Thịnh đã ký kết Hợp đồng số 02/HĐ-XD với Ban Quản lý các Dự án Xây dựng thị xã Từ Sơn để cung cấp dịch vụ xây lắp hạ tầng kỹ thuật của Dự án ("Hợp đồng số 02/HĐ-XD"). Theo quy định tại hợp đồng này, phần kinh phí thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng của Dự án Khu đô thị Đền Đô sẽ được thanh toán cho Công ty thông qua việc bù trừ với tiền sử dụng đất mà Công ty phải nộp cho ngân sách (theo hình thức ghi thu, ghi chi vào ngân sách nhà nước) dựa trên khối lượng giá trị xây lắp cơ sở hạ tầng của Dự án đã được hoàn thành và nghiệm thu với chủ đầu tư.

Theo Quyết định số 239/QĐ-UBND do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh ban hành ngày 3 tháng 3 năm 2011, giá trúng thầu tiền sử dụng đất đã bao gồm hạ tầng kỹ thuật của Dự án là 468 tỷ đồng, trong đó chi phí hạ tầng kỹ thuật là 71,5 tỷ đồng Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2013, khoản tiền sử dụng đất của Khu đô thị Đền Đô còn lại chưa được thanh toán bằng hình thức bù trừ nêu trên lần lượt là 30.649.088.189 đồng và 13.599.894.784 đồng (Thuyết minh số 18).

Theo Biên bản làm việc số 15/BB-LV ký ngày 13 tháng 8 năm 2013 giữa Công ty và Chi cục thuế Thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, Chi cục thuế Thị xã Từ Sơn đã xác định số tiền sử dụng đất của Dự án mà Công ty còn phải thanh toán là 14,5 tỷ đồng Việt Nam, trong đó 13,5 tỷ đồng Việt Nam sẽ được thanh toán bù trừ với khối lượng giá trị xây lắp cơ sở hạ tầng của Dự án khi hồ sơ quyết toán hạng mục hạ tầng kỹ thuật của Dự án được phê duyệt. Cũng theo Biên bản làm việc này, thời hạn để Công ty thanh toán số tiền sử dụng đất chưa nộp là ngày 30 tháng 9 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng việc thanh toán tiền sử dụng đất phụ thuộc vào tiến độ quyết toán phân hạ tầng kỹ thuật của Dự án với địa phương, nên Công ty sẽ không phải chịu bất cứ một khoản phạt hay chi phí phát sinh nào liên quan đến sử dụng đất của Dự án.

34. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, chi phí phải trả. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Tập đoàn có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Tập đoàn để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ và tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng: độ nhạy của các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Tập đoàn nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay và nợ đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn như sau:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Tăng/giảm điểm cơ bản</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</i>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013		
VNĐ	+100	(15.261.634.085)
VNĐ	-100	15.261.634.085
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012		
VNĐ	+100	(15.848.605.281)
VNĐ	-100	15.848.605.281

Mức tăng/giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn đáng kể so với các năm trước.

Công ty và Công ty con không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vay USD cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 vì đa phần các khoản vay này trong năm có lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty và các công ty con chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con (khi chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty và các công ty con).

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả) đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá đô la Mỹ. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Tập đoàn là không đáng kể.

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Thay đổi tỷ giá USD</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</i>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013		
	+2%	(10.323.591.562)
	-2%	10.323.591.562
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012		
	+2%	(10.212.000.000)
	-2%	10.212.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã được chiết khấu:

	Bất kỳ thời điểm nào	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Đơn vị tính: VNĐ Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2013				
Các khoản vay và nợ	-	1.408.056.154.859	125.535.596.264	1.533.591.751.123
Phải trả người bán	471.215.254.884	-	-	471.215.254.884
Chi phí phải trả	71.936.022.260	-	-	71.936.022.260
Các khoản phải trả khác	29.728.030.798	-	5.499.328.000	35.227.358.798
	572.879.307.942	1.408.056.154.859	131.034.924.264	2.111.970.387.065
Ngày 31 tháng 12 năm 2012				
Các khoản vay và nợ	-	1.439.757.021.829	145.103.506.315	1.584.860.528.144
Phải trả người bán	312.202.136.808	-	-	312.202.136.808
Chi phí phải trả	96.546.329.738	-	-	96.546.329.738
Các khoản phải trả khác	21.056.766.540	-	3.999.987.500	25.056.754.040
	429.805.233.086	1.439.757.021.829	149.103.493.815	2.018.665.748.730

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Tập đoàn:

Đơn vị tính: VND

	<i>Giá trị ghi sổ</i>				<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>		
Tài sản tài chính						
Tiểu gửi ngắn hạn	406.222.775.000	-	-	-	406.222.775.000	-
Phải thu khách hàng	424.083.031.901	-	440.012.898.322	(15.000.000.000)	424.083.031.901	425.012.898.322
Phải thu khác	11.282.331.518	-	4.228.698.092	-	11.282.331.518	4.228.698.092
Tiền và các khoản tương đương tiền	137.189.145.674	-	551.972.480.142	-	137.189.145.674	551.972.480.142
	978.777.284.093	-	996.214.076.556	(15.000.000.000)	978.777.284.093	981.214.076.556

Đơn vị tính: VND

	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>
	Nợ phải trả tài chính			
Vay và nợ	1.533.591.751.123	1.584.860.528.144	1.533.591.751.123	1.584.860.528.144
Phải trả người bán	471.215.254.884	312.202.136.808	471.215.254.884	312.202.136.808
Chi phí phải trả	71.936.022.260	96.546.329.738	71.936.022.260	96.546.329.738
Các khoản phải trả khác	35.227.358.798	25.056.754.040	35.227.358.798	25.056.754.040
Tổng cộng	2.111.970.387.065	2.018.665.748.730	2.111.970.387.065	2.018.665.748.730

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản vay và nợ dài hạn tạm thời được ghi nhận bằng giá trị ghi sổ do các khoản vay này chịu lãi suất theo thỏa thuận ký với các ngân hàng thương mại và công ty cho thuê tài chính.


36. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM


Căn cứ theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 04/2013/BB-HĐQT ngày 19 tháng 2 năm 2013, các thành viên trong Hội đồng Quản trị đã thống nhất tăng vốn điều lệ của Tập đoàn lên thành 627.419.230.000 đồng Việt Nam theo hình thức chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu như đã được trình bày trong Thuyết minh số 23.1.


Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 965/QĐ-DBC ngày 16 tháng 12 năm 2013, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt đề xuất tạm ứng cổ tức năm 2013 bằng tiền mặt với tỷ lệ là 12%/cổ phiếu (1 cổ phiếu được nhận 1.200 đồng Việt Nam) cho các cổ đông hiện hữu và chưa được chi trả trong năm 2013.

37. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Tập đoàn và các công ty con và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn và các công ty con trong năm.


Nguyễn Thị Thanh Huyền
Người lập


Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng


Nguyễn Như So
Tổng Giám đốc



Ngày 17 tháng 3 năm 2014